

Số: /BC-UBND

Vĩnh Lộc, ngày tháng 5 năm 2026

BÁO CÁO

Kết quả tự kiểm tra việc chỉ đạo, tổ chức thực hiện chính quyền địa phương 2 cấp, tăng trưởng hai con số; chuyển đổi số

Kính gửi: Đảng ủy xã Vĩnh Lộc

Thực hiện Công văn số 401-CV/ĐU, ngày 07/5/2026 của Đảng ủy xã Vĩnh Lộc về việc báo cáo kiểm tra việc lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện chính quyền địa phương 2 cấp, tăng trưởng hai con số; chuyển đổi số; đánh giá, xếp loại tập thể các nhân, UBND xã Vĩnh Lộc báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ với các nội dung cụ thể sau:

I. KHÁI QUÁT ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH ĐỊA PHƯƠNG

1. Đặc điểm tình hình

Xã Vĩnh Lộc được thành lập theo Nghị quyết số 1686/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội trên cơ sở sắp xếp 5 đơn vị hành chính cấp xã của huyện Vĩnh Lộc cũ (gồm: Vĩnh Hưng, Vĩnh Phúc, Vĩnh Hòa, Ninh Khang, Thị trấn), có tổng diện tích tự nhiên là 56,94 km², quy mô dân số 40.344 người, có 40 thôn, khu phố. Tổng số hộ nghèo 17 hộ nghèo chiếm 0,17%; cận nghèo 206 hộ chiếm 2,04%. Toàn xã có 02 tôn giáo lớn là Phật giáo và Thiên chúa giáo với tổng số 4.065 tín đồ chiếm 10,07% tổng số dân toàn xã, giáo dân sinh sống tập trung trên địa bàn thôn Văn Hanh, Pháp Ngõ và khu phố Nhân Lộ cùng đồng bào lương giáo.

2. Thuận lợi, khó khăn

a) Thuận lợi

Việc triển khai các nhiệm vụ về tổ chức bộ máy chính quyền địa phương 2 cấp, mục tiêu tăng trưởng kinh tế giai đoạn 2026 - 2030, thực hiện Nghị quyết 57-NQ/TW về khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số nhìn chung có nhiều thuận lợi. Nổi bật là sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo kịp thời, thống nhất từ Trung ương đến tỉnh và cơ sở; hệ thống cơ chế, chính sách ngày càng hoàn thiện; bộ máy sau sắp xếp bước đầu tinh gọn, hoạt động ổn định; cùng với sự chuyển biến

tích cực về nhận thức và ứng dụng công nghệ thông tin trong hệ thống chính trị và Nhân dân.

b) Khó khăn

Việc triển khai vẫn còn khó khăn do một số quy định, hướng dẫn mới chưa đồng bộ trong giai đoạn đầu vận hành mô hình chính quyền 2 cấp. Sau sắp xếp, khối lượng công việc tăng lên, phạm vi quản lý rộng hơn trong khi số lượng biên chế còn hạn chế, dẫn đến một số cán bộ, công chức phải kiêm nhiệm nhiều lĩnh vực, ảnh hưởng nhất định đến tiến độ và chất lượng xử lý công việc. Nguồn lực phát triển kinh tế còn hạn chế, quy mô sản xuất nhỏ; hạ tầng kinh tế - xã hội của xã chưa được đầu tư đồng bộ, khó khăn trong việc thu hút đầu tư; hạ tầng công nghệ thông tin chưa đồng bộ, nguồn nhân lực chuyển đổi số còn thiếu và kiêm nhiệm; kỹ năng số của một bộ phận cán bộ và người dân chưa đáp ứng yêu cầu.

II. KẾT QUẢ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG 02 CẤP

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, cụ thể hóa

UBND xã đã tập trung chỉ đạo quyết liệt, đồng bộ trong việc triển khai thực hiện các chủ trương, quy định của Trung ương và của tỉnh về sắp xếp tổ chức bộ máy, vận hành mô hình chính quyền địa phương hai cấp.

Công tác quán triệt, tuyên truyền được thực hiện kịp thời đến toàn thể cán bộ, đảng viên, công chức, người hoạt động không chuyên trách và Nhân dân trên địa bàn nhằm tạo sự thống nhất trong nhận thức và hành động khi triển khai mô hình mới.

Đồng thời, để cụ thể hóa việc sắp xếp tổ chức bộ máy và bảo đảm hoạt động ổn định của chính quyền địa phương hai cấp, UBND xã đã ban hành Đề án về việc thành lập các cơ quan chuyên môn, Trung tâm Phục vụ hành chính công, Trung tâm Cung ứng dịch vụ công thuộc UBND xã Vĩnh Lộc, làm cơ sở tổ chức bộ máy, phân công chức năng, nhiệm vụ và bố trí nhân sự phù hợp, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trên địa bàn.

Qua việc ban hành và triển khai đồng bộ các đề án, văn bản chỉ đạo, UBND xã đã từng bước cụ thể hóa các chủ trương, quy định của Trung ương và của tỉnh, của Đảng ủy xã về sắp xếp tổ chức, tinh gọn bộ máy, bảo đảm bộ máy chính quyền địa phương hai cấp hoạt động ổn định, thông suốt, đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước và phục vụ Nhân dân trong tình hình mới.

(Phụ lục I.2 gửi kèm theo)

2. Kết quả tổ chức và hoạt động

2.1. Kiện toàn tổ chức bộ máy

Ngay sau khi thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính và vận hành mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, UBND xã tham mưu xây dựng Đề án, xin ý kiến Ban Thường vụ và trình HĐND xã thành lập 03 phòng chuyên môn tham mưu giúp việc gồm: Văn phòng HĐND và UBND, Phòng Kinh tế, Phòng Văn hóa - Xã hội và 02 cơ quan thuộc UBND xã, gồm: Trung tâm Phục vụ hành chính công, Trung tâm Cung ứng dịch vụ công. Căn cứ Nghị định 150/2025/NĐ-CP và các Nghị định và thông tư có liên quan, UBND xã đã ban hành các quyết định quy định về chức năng, nhiệm vụ của các phòng chuyên môn và Trung tâm phục vụ hành chính công. Bổ nhiệm các chức danh lãnh đạo, quản lý phòng chuyên môn và tương đương. Tiếp nhận, phân công công tác đối với đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; đồng thời, tổ chức tiếp nhận nguyên trạng 19 đơn vị sự nghiệp Giáo dục và Đào tạo.

Các phòng, ban chuyên môn, Trung tâm Phục vụ hành chính công, Trung tâm Cung ứng dịch vụ công đã được thành lập và đi vào hoạt động ổn định. Nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị được phân công rõ ràng, bảo đảm hoạt động quản lý nhà nước được vận hành thông suốt, không làm gián đoạn việc phục vụ người dân và doanh nghiệp. Việc phối hợp giữa các bộ phận chuyên môn được duy trì chặt chẽ, bảo đảm cho hoạt động điều hành của chính quyền địa phương diễn ra thông suốt, hiệu quả.

2.2. Rà soát, phân định thẩm quyền; thực hiện phân cấp, phân quyền

Căn cứ vào các văn bản pháp luật (từ ngày 01/7/2025 đến nay) của cơ quan nhà nước cấp trên về phân cấp, phân quyền cho chính quyền địa phương cấp xã tại 28 Nghị định về phân cấp, phân quyền, phân định thẩm quyền, gồm các lĩnh vực: Tài chính, Nông nghiệp & Môi trường, Công thương, xây dựng, Nội vụ, Tư pháp, giáo dục & Đào tạo, Khoa học & Công nghệ, Văn hóa, thể thao & Du lịch, Dân tộc, tôn giáo & tín ngưỡng, Thanh tra, Y tế.

Chủ tịch UBND xã Vĩnh Lộc đã thường xuyên chỉ đạo các phòng, ban, đơn vị nghiên cứu văn bản, tham mưu, thực hiện nghiêm túc có hiệu quả, đúng quy định các nội dung được phân cấp, phân quyền tại các văn bản.

Thực hiện phân cấp, phân quyền, UBND xã cũng đã thực hiện ủy quyền cho Phó Giám đốc Trung tâm phục vụ hành chính công thực hiện ký chứng thực tại Quyết định số 1126/QĐ-UBND ngày 20/10/2025 về việc ủy quyền trong thực hiện công tác chứng thực. Việc ủy quyền trong nội bộ UBND xã được thực hiện kịp thời, đúng quy định, giúp giảm tải cho lãnh đạo, nâng cao trách nhiệm của các bộ phận chuyên môn và tăng hiệu quả điều hành.

Nhìn chung, phân cấp, ủy quyền đã giúp UBND xã chủ động hơn trong quản lý, điều hành, nhất là trong các lĩnh vực đầu tư công, quy hoạch, tài chính - ngân sách, nâng cao chất lượng phục vụ người dân. Tuy nhiên, vẫn còn một số nội dung chồng chéo, chưa rõ thẩm quyền, nhất là lĩnh vực liên ngành và nhiệm vụ mới phát sinh, gây khó khăn trong thực hiện. Trước tình hình đó, UBND xã đã chủ động phối hợp cấp trên để xin hướng dẫn, tháo gỡ vướng mắc, đồng thời tổng hợp kiến nghị để báo cáo, đề xuất điều chỉnh kịp thời. Công tác xử lý vướng mắc nhìn chung được thực hiện nghiêm túc, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước ở cơ sở.

2.3. Sắp xếp, bố trí, điều động cán bộ, công chức, viên chức

UBND xã đã nghiêm túc triển khai thực hiện đầy đủ các quy định, hướng dẫn của Trung ương, Tỉnh ủy và UBND tỉnh về công tác bố trí, sử dụng cán bộ, công chức, viên chức gắn với việc sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương hai cấp. Việc bố trí, sử dụng cán bộ, công chức, viên chức được thực hiện cơ bản bảo đảm, phù hợp với năng lực chuyên môn và yêu cầu nhiệm vụ của từng cơ quan, đơn vị.

Số lượng biên chế, lao động hợp đồng tại thời điểm 01/7/2025 là 83 người (73 cán bộ, công chức, 09 viên chức, 01 lao động hợp đồng).

Tháng 8/2025, có 08 người thực hiện điều động đi miền núi theo chủ trương của tỉnh.

Tính đến tháng 11/2025 UBND xã Vĩnh Lộc đề nghị cấp trên giải quyết nghỉ chế độ 178 NB-CP cho tổng 31 người (*9 người cấp huyện bàn giao lại hồ sơ; 22 người thuộc số UBND xã Vĩnh Lộc tiếp nhận*), trong đó: 08 người nghỉ thôi việc, 23 người nghỉ trước tuổi.

Tháng 01/2026, UBND xã đã tiếp nhận 02 công chức bên khối Đảng sang công tác, 04 viên chức chuyển từ Trung tâm dịch vụ Nông nghiệp Vĩnh Lộc về Trung tâm Cung ứng dịch vụ công xã.

Tháng 02/2026, có 03 công chức Quân sự chuyển sang Ban Chỉ huy Quân sự xã. Tính đến thời điểm hiện tại tại UBND xã Vĩnh Lộc có tổng 56 cán bộ, công chức, viên chức, lao động hợp đồng (45 cán bộ, công chức; 10 viên chức; 01 lao động hợp đồng).

(Phụ lục I.3; I.4, I.5, I.6 gửi kèm)

2.4. Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng

UBND xã đã chủ động cử cán bộ, công chức tham gia đầy đủ các hội nghị tập huấn trực tuyến và trực tiếp do các sở, ngành tổ chức về thực hiện chính quyền

địa phương hai cấp như các chuyên đề: phân cấp, phân quyền, cải cách hành chính, chuyển đổi số và nghiệp vụ chuyên môn các lĩnh vực tư pháp, đất đai, tài chính, xây dựng, văn hóa – xã hội. Qua đó, năng lực tham mưu, xử lý công việc và chất lượng giải quyết thủ tục hành chính được nâng lên, góp phần vận hành hiệu quả mô hình chính quyền địa phương.

Tuy nhiên, vẫn còn hạn chế như thời lượng tập huấn chưa sâu, một bộ phận cán bộ tiếp thu và vận dụng còn chậm, đặc biệt trong lĩnh vực công nghệ thông tin. Nhìn chung, công tác tập huấn đã phát huy hiệu quả tích cực, song cần tiếp tục đổi mới nội dung, phương pháp theo hướng thực tiễn, gắn với vị trí việc làm và tăng cường kỹ năng thực hành.

3. Kết quả bàn giao, tiếp nhận và xử lý công việc chuyển tiếp, hồ sơ, tài liệu

Sau khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, việc bàn giao, tiếp nhận tài sản, tài liệu được triển khai kịp thời, đúng quy định. Địa phương đã phối hợp tổ chức ký biên bản bàn giao, tiếp nhận tài sản, tài liệu, nhân lực, nhiệm vụ và tài chính, hồ sơ tồn đọng do các đơn vị trước sáp nhập bào giao; đồng thời, triển khai phân công nhiệm vụ chuyển tiếp cho các phòng, ban, đơn vị chuyên môn tiếp tục triển khai các nhiệm vụ tại địa phương sau khi chuyển giao; bảo đảm rõ nội dung, phạm vi, trách nhiệm của từng bộ phận, không để xảy ra thất thoát, gián đoạn trong thực hiện nhiệm vụ.

Tổng khối lượng tài liệu, hồ sơ: 1177,25 m (trong đó, tài liệu của UBND huyện Vĩnh Lộc: 832,4 m; tài liệu của 5 xã, thị trấn cũ sáp nhập (gồm, thị trấn Vĩnh Lộc và các xã: Vĩnh Phúc, Vĩnh Hoà, Vĩnh Hưng, Ninh Khang): 344,85 m)

Số lượng đã lưu trữ: 1177,25 m (trong đó, tài liệu của UBND huyện Vĩnh Lộc được lưu trữ tại 4 phòng, kho được bố trí riêng biệt, không sử dụng vào mục đích khác; được trang bị một số thiết bị phục vụ công tác bảo quản hồ sơ, tài liệu như: quạt, thiết bị phòng cháy, chữa cháy, phun thuốc chống mối, mọt; số tài liệu của 5 xã, thị trấn cũ được lưu trữ tại 01 phòng kho tạm, chưa xử lý mối, mọt gây hại tài liệu.

4. Kết quả tổ chức và hoạt động của các cơ quan, đơn vị sau sắp xếp

Sau khi thực hiện sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy, các cơ quan, đơn vị đã nhanh chóng ổn định tổ chức và đi vào hoạt động nền nếp. Cơ cấu tổ chức được tinh gọn hơn, giảm đầu mối trung gian, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý và điều hành. Chức năng, nhiệm vụ của từng bộ phận được phân công rõ ràng, hạn chế tình trạng chồng chéo, trùng lặp. Đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức cơ

bản phát huy tinh thần trách nhiệm, thích ứng tốt với yêu cầu nhiệm vụ mới. Công tác phối hợp giữa các phòng, ban và đơn vị trực thuộc được tăng cường, bảo đảm xử lý công việc kịp thời, thông suốt. Chất lượng tham mưu, giải quyết thủ tục hành chính và phục vụ người dân, doanh nghiệp có nhiều chuyển biến tích cực. Việc ứng dụng công nghệ thông tin và cải cách hành chính tiếp tục được quan tâm triển khai đồng bộ.

Tuy nhiên, trong giai đoạn đầu sau sắp xếp vẫn còn một số khó khăn về cơ sở vật chất, bố trí nhân sự và khối lượng công việc tăng lên. Nhìn chung, việc sắp xếp tổ chức đã tạo điều kiện thuận lợi để các cơ quan, đơn vị nâng cao chất lượng hoạt động, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

5. Bảo đảm nguồn lực, điều kiện hoạt động

5.1. Về tài chính, ngân sách, đầu tư

- *Về tài chính, ngân sách:* Trong điều kiện thực hiện phân cấp theo mô hình chính quyền 02 cấp, công tác quản lý tài chính – ngân sách của xã tiếp tục được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật, từng bước nâng cao tính chủ động và trách nhiệm của chính quyền cơ sở. Việc phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi giữa các cấp cơ bản rõ ràng, tạo điều kiện cho địa phương chủ động trong điều hành ngân sách. Tuy nhiên, do nguồn thu trên địa bàn còn hạn chế, phụ thuộc lớn vào ngân sách cấp trên, nên tính tự chủ tài chính của xã còn thấp.

Công tác lập dự toán, chấp hành và quyết toán ngân sách được thực hiện nghiêm túc, đúng quy trình; việc công khai, minh bạch ngân sách được duy trì thường xuyên. UBND xã đã trình HĐND xã xem xét, thông qua các Nghị quyết về Tài chính - ngân sách: Nghị quyết số 10/NQ-HĐND và số 11/NQ-HĐND ngày 01/8/2025 thông qua dự toán thu, chi NSNN năm 2025 sau khi sắp xếp đơn vị hành chính thực hiện quyền địa phương 02 cấp; Nghị quyết số 20-NQ-HĐND ngày 26/12/2025 về giao dự toán thu, chi ngân sách Nhà nước năm 2026; Nghị quyết số 10-NQ-HĐND ngày 30/3/2026 về phê chuẩn quyết toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025 trên địa bàn.

** Kết quả thu, chi ngân sách năm 2025:*

+ Tổng thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn đạt 543.441 triệu đồng/322.709 triệu đồng, đạt 168,39%;

+ Tổng chi ngân sách địa phương đạt 543.441 triệu đồng/322.709 triệu đồng, đạt 168,39 % triệu đồng; trong đó: Chi đầu tư phát triển là 177.273 triệu đồng, đạt 185,27 % so với dự toán đầu năm; Chi thường xuyên đạt 301.522 triệu đồng, đạt 135,62% so với dự toán đầu năm; Chi chuyển nguồn sang năm sau đạt 64.366 triệu đồng; Chi nộp ngân sách cấp trên là 279 triệu đồng.

** Đối với dự toán năm 2026:*

Trong năm 2026, UBND xã đã chủ động triển khai thực hiện dự toán ngân sách ngay từ đầu năm; công tác thu, chi ngân sách được tổ chức thực hiện cơ bản bảo đảm tiến độ theo kế hoạch, chi ngân sách được điều hành chặt chẽ, bám sát dự toán, ưu tiên bố trí cho các nhiệm vụ trọng tâm, cấp thiết. Tuy nhiên, việc cân đối ngân sách vẫn gặp nhiều khó khăn do nhu cầu chi lớn trong khi nguồn thu ngân sách có nguy cơ không đạt dự toán giao do chính sách miễn giảm thuế theo Nghị định 359/2025/NĐ-CP của chính phủ có hiệu lực từ 01/1/2026.

- Về đầu tư phát triển:

Công tác giải ngân được theo dõi thường xuyên để kịp thời tháo gỡ các vướng mắc về thủ tục, hồ sơ, quy trình nghiệm thu, thanh toán; qua đó bảo đảm tiến độ theo kế hoạch đầu tư công tỉnh giao.

5.2. Về trụ sở, cơ sở vật chất, tài sản công

Căn cứ tình hình thực tế quản lý, sử dụng tài sản tại địa phương, UBND xã Vĩnh Lộc đã lập đề nghị xử lý tài sản theo Danh mục gửi cơ quan có thẩm quyền về đề nghị điều chuyển tài sản và chuyển giao tài sản về địa phương quản lý, xử lý.

Việc sắp xếp bước đầu có gây ra tình trạng bỏ trống cơ sở vật chất cục bộ tại các đơn vị sáp nhập. Tuy nhiên, nhờ công tác bàn giao chặt chẽ và cắt cử người trông coi, không xảy ra tình trạng mất mát, hư hỏng nghiêm trọng hay xuống cấp nhanh chóng, hạn chế tối đa lãng phí tài sản công.

Về xe công: Trên địa bàn xã Vĩnh Lộc có 02 xe (01 xe do Đảng uỷ quản lý, sử dụng; 01 xe do UBND xã quản lý, sử dụng). Tuy nhiên có 01 xe do UBND xã quản lý, sử dụng đến nay xe đã hư hỏng không sử dụng được, qua kiểm tra tình trạng kỹ thuật, xe đang hư hỏng nặng, chi phí sửa chữa lớn, không đảm bảo an toàn trong quá trình vận hành, sử dụng, UBND xã đã có văn bản đề nghị thanh lý tài sản và văn bản đề nghị xin bổ sung kinh phí để mua xe mới phục vụ hoạt động, đảm bảo yêu cầu công việc của UBND xã.

Về trang thiết bị: Đã thực hiện rà soát, kiểm kê và điều chuyển máy móc thiết bị làm việc từ các đơn vị sáp nhập về đơn vị mới để đảm bảo định mức, tránh mua sắm mới không cần thiết.

UBND xã Vĩnh Lộc đã chủ động, quyết liệt trong việc nhận diện và phân loại tài sản dôi dư. Công tác đảm bảo điều kiện làm việc cho chính quyền 02 cấp được ưu tiên hàng đầu, giúp bộ máy vận hành ổn định ngay sau khi sáp nhập. Các chính sách hỗ trợ được thực hiện công khai, minh bạch, tạo tâm lý an tâm cho cán bộ.

(Phụ lục II-3 kèm theo)

6. Xây dựng hạ tầng số, cơ sở dữ liệu và phần mềm quản lý

Hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin đã được đầu tư, nâng cấp, đảm bảo các điều kiện kỹ thuật để cán bộ, công chức thực hiện nhiệm vụ hoàn toàn trên môi trường mạng.

Hệ thống phần mềm quản lý văn bản và điều hành chung đã đi vào vận hành ổn định, phát huy hiệu quả và đáp ứng tốt yêu cầu công việc trong cơ cấu tổ chức mới. Để đồng bộ dữ liệu, UBND xã đã chỉ đạo khẩn trương thực hiện cấp tài khoản cho toàn bộ nhân sự để sử dụng Hệ thống đăng nhập tập trung của tỉnh (LGSP) và Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) tỉnh Thanh Hóa. Đến nay, 100% cán bộ, công chức đã được cấp tài khoản và thực hiện xử lý hồ sơ thông qua các nền tảng dùng chung. Việc kết nối, liên thông cơ sở dữ liệu giữa các cơ quan, đơn vị được triển khai lộ trình bài bản; đồng thời, một số lĩnh vực đặc thù đã ứng dụng các phần mềm quản lý chuyên ngành nhằm tối ưu hóa hiệu quả công tác tham mưu và thực thi nhiệm vụ (các phần mềm chuyên ngành như: hộ tịch, bảo hiểm, kế toán, tài sản, quản lý cán bộ, công chức, quản lý NCC, đối tượng BTXH...)

7. Cải cách hành chính và giải quyết thủ tục hành chính

Công tác CCHC luôn được UBND xã quan tâm chỉ đạo; thường xuyên theo dõi, rà soát VBQPPL, kịp thời xử lý những văn bản hết hiệu lực, văn bản trái quy định của pháp luật cấp trên; nghiên cứu các quy định về giải quyết TTHC, đề xuất việc cắt giảm, đơn giản hóa TTHC, số hóa TTHC, thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông, nâng cao chất lượng giải quyết TTHC; công khai đúng quy định, nhất là 100% TTHC thuộc thẩm quyền được niêm yết công khai tại Trung tâm phục vụ hành chính công, công khai kết quả giải quyết TTHC. Tập trung xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số; quá trình kết nối, chia sẻ dữ liệu, hình thành các dữ liệu dùng chung, cung cấp dịch vụ công trực tuyến giữa Cổng Dịch vụ công quốc gia, Cổng Dịch vụ công tỉnh với Hệ thống phần mềm một cửa được đẩy mạnh. Việc hướng dẫn, hỗ trợ người dân sử dụng dịch vụ thanh toán không dùng tiền mặt trong các giao dịch về y tế, giáo dục đã được quan tâm, đẩy mạnh tạo đà phát triển cho kinh tế số, xã hội số và quá trình chuyển đổi số được thuận lợi.

Từ ngày 1/7/2025 đến ngày 14/5/2026, Trung tâm phục vụ HCC đã tiếp nhận: 5.499 hồ sơ; số lượng hồ sơ trực tuyến 5498; tỷ lệ hồ sơ giải quyết đúng và trước hạn; 99,98%; tỷ lệ hồ sơ quá hạn: 0,01%. (trong đó có 01 hồ sơ quá hạn do Sở Nội vụ trả kết quả chậm). Kết quả đánh giá mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp trong việc thực hiện thủ tục hành chính và cung ứng dịch vụ công đạt 100%. Tỷ lệ TTHC có giao dịch thanh toán trực tuyến 100%; tỷ lệ hồ sơ thanh toán

trực tuyến trên tổng số hồ sơ có yêu cầu nghĩa vụ tài chính tại địa phương 100%. Tỷ lệ số hóa thành phần hồ sơ đạt 100%; tỷ lệ số hoá kết quả giải quyết đạt 100%. Chỉ tiêu công khai minh bạch: 18/18 điểm (Xếp thứ 16/166), tiến độ giải quyết công việc: 19,89/20 điểm (Xếp thứ 10/166). Nhìn chung, công tác cải cách hành chính và kết quả giải quyết TTHC đã từng bước đạt được những kết quả tích cực; nâng cao chất lượng phục vụ người dân.

(Phụ lục II-2 gửi kèm)

8. Công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo, phản ánh, kiến nghị.

Thực hiện Luật tiếp công dân, UBND xã ban hành Nội quy tiếp công dân tại Phòng tiếp công dân; thông báo lịch tiếp công dân định kỳ và thực hiện phân công công chức tiếp công dân. Công tác tiếp công dân, đối thoại trực tiếp với công dân được chính quyền xã đặc biệt quan tâm thực hiện. Chủ tịch UBND xã trực tiếp tiếp công dân định kỳ tại trụ sở UBND xã 01 ngày/tuần vào thứ tư hằng tuần. Trong kỳ báo cáo tổng số lượt tiếp công dân phát sinh trên địa bàn gồm 155 lượt tiếp, 180 người được tiếp trong đó: 40 lượt tiếp, 53 người được tiếp tại kỳ tiếp công dân định kỳ của Chủ tịch UBND xã, nội dung về lĩnh vực đất đai, khác, kết quả xử lý: đã trả lời và giải đáp trực tiếp và bằng văn bản cho công dân theo quy định; phát sinh 115 lượt lượt tiếp, 127 người được tiếp do công chức được phân công tiếp công dân tiếp, nội dung tiếp về lĩnh vực đất đai 43 vụ việc, lĩnh vực khác 27 vụ việc, kết quả xử lý: đã giải thích quy định của pháp luật và hướng dẫn trực tiếp cho công dân và trả lời theo đúng quy định.

Công tác tiếp nhận và giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh: Trong kỳ báo cáo không phát sinh đơn thư khiếu nại, tố cáo, tổng số đơn phản ánh, kiến nghị thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND xã gồm 70 đơn kiến nghị, phản ánh (43 đơn lĩnh vực đất đai, 27 đơn lĩnh vực khác). Kết quả giải quyết: đã giải quyết xong 65 đơn kiến nghị, phản ánh (40 đơn lĩnh vực đất đai, 25 đơn lĩnh vực khác); đang trong thời hạn xem xét giải quyết 05 đơn kiến nghị, phản ánh (03 đơn lĩnh vực đất đai, 02 phản ánh lĩnh vực khác).

9. Tác động đối với phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh và đời sống nhân dân

Việc tổ chức triển khai các nhiệm vụ ngay mô hình chính quyền địa phương 2 cấp đã tạo chuyển biến tích cực trên nhiều lĩnh vực, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và nâng cao đời sống Nhân dân.

Tăng hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước; bộ máy được tinh gọn, giảm tầng nấc trung gian, giúp việc chỉ đạo điều hành nhanh hơn; Rút ngắn thời gian giải

quyết thủ tục hành chính cho người dân và doanh nghiệp; Giảm chi phí vận hành bộ máy hành chính, tạo nguồn lực cho đầu tư phát triển.

Trên lĩnh vực kinh tế - xã hội, hoạt động quản lý nhà nước từng bước đi vào ổn định, các nhiệm vụ phát triển kinh tế được phát triển; thu hút đầu tư cải thiện nhờ thủ tục hành chính nhanh hơn, minh bạch hơn; môi trường kinh doanh thông thoáng hơn, giảm chi phí tuân thủ cho doanh nghiệp. Các hoạt động phục vụ Nhân dân ngày càng được cải thiện; chất lượng giải quyết thủ tục hành chính được nâng cao; giảm thủ tục, giảm thời gian đi lại; người dân được tiếp cận các dịch vụ công thuận tiện hơn, đặc biệt trong lĩnh vực hộ tịch, đất đai, chính sách an sinh xã hội, góp phần ổn định đời sống, tạo niềm tin và sự đồng thuận của nhân dân đối với chính quyền địa phương.

Về quốc phòng- an ninh: Chính quyền cơ sở gần dân hơn nên nắm tình hình tốt hơn. Nâng cao khả năng nắm bắt tình hình cơ sở nhanh hơn; Phối hợp xử lý an ninh trật tự kịp thời hơn; giảm độ trễ trong chỉ đạo phòng chống thiên tai, dịch bệnh, sự cố xã hội.

10. Công tác thông tin, tuyên truyền, nắm tình hình và tạo đồng thuận xã hội

Để bảo đảm công tác tuyên truyền được triển khai kịp thời, đồng bộ, hiệu quả, đúng định hướng sau khi công tác sắp xếp bộ máy của hệ thống chính trị đã đi vào vận hành chính quyền địa phương 2 cấp, theo chỉ đạo của Sở, ngành cấp tỉnh và Đảng ủy xã, UBND xã đã phối hợp với Ban Xây dựng Đảng, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc xã đã triển khai các hoạt động tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên và Nhân dân về các nội dung như: Mục đích, ý nghĩa, yêu cầu, lợi ích lâu dài của việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã theo tinh thần Nghị quyết số 18-NQ/TW của Bộ Chính trị và các văn bản chỉ đạo của Trung ương, của Tỉnh ủy; Thông tin về quá trình tiếp nhận, bàn giao, tổ chức bộ máy, nhân sự vận hành bộ máy tại xã mới; Phản ánh những kết quả tích cực bước đầu trong công tác xây dựng Đảng, quản lý Nhà nước, cải cách hành chính, phục vụ Nhân dân, xây dựng nông thôn mới, giữ gìn an ninh trật tự, công tác chuẩn bị đại hội Đảng; kịp thời cung cấp thông tin chính thống, định hướng tư tưởng, dư luận xã hội với những vấn đề dư luận quan tâm, định hướng dư luận trước các vấn đề phức tạp phát sinh; chủ động phản bác quan điểm sai trái, thông tin xấu, ... để tạo sự đồng thuận trong Nhân dân, sự vào cuộc đồng bộ, hiệu quả của cả hệ thống chính trị.

III. CÁC NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP NHẪM ĐẢM BẢO THỰC HIỆN MỤC TIÊU TĂNG TRƯỞNG HAI CON SỐ

1. Việc lãnh đạo, chỉ đạo xây dựng Chương trình hành động, Kế hoạch thực hiện để đạt được mục tiêu tăng trưởng GDP từ 10% và tăng trưởng GRDP từ 11% trở lên (tăng trưởng hai con số)

- Căn cứ Nghị quyết Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng, Kết luận số 18-KL/TW ngày 02/4/2026 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIV và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Thanh Hoá khoá XX, Nghị quyết Đại hội Đảng bộ xã Vĩnh Lộc lần thứ nhất. UBND xã Vĩnh Lộc đã ban hành các quyết định: Quyết định số 1133/QĐ-UBND, ngày 22/10/2025 về kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ xã lần thứ I, nhiệm kỳ 2025 - 2030; Quyết định 1418/QĐ-UBND ngày 28/11/2025 về kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ Tỉnh lần thứ XX, nhiệm kỳ 2025 - 2030; Quyết định số 760/QĐ-UBND ngày 08/5/2026 Về việc ban hành Kế hoạch hành động của UBND xã thực hiện Nghị quyết số 109/NQ-CP ngày 16/4/2026 của Chính phủ cập nhật, bổ sung Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng và Kết luận số 18-KL/TW của Trung ương về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, tài chính quốc gia và vay, trả nợ công, đầu tư công trung hạn 5 năm 2026-2030 gắn với thực hiện mục tiêu phấn đấu tăng trưởng “2 con số” và Chương trình hành động số 21-CTr/ĐU ngày 05/3/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ xã thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng, nhiệm kỳ 2025 - 2030. Cụ thể là:

+ Phấn đấu Tốc độ tăng tổng giá trị sản phẩm trên địa bàn bình quân hàng năm 8%. Thu nhập bình quân đầu người năm 2030 đạt 86,4 triệu đồng.

+ Thu ngân sách tăng bình quân hàng năm đạt 7% trở lên;

+ Cơ cấu giá trị sản phẩm trên địa bàn đến năm 2030: Nông, lâm, thủy sản chiếm 27,46%; công nghiệp, xây dựng chiếm 39,02%; dịch vụ chiếm 33,52%. Tổng sản lượng lương thực hàng năm ổn định 28.000 tấn.

+ Diện tích đất nông nghiệp được tích tụ, tập trung để sản xuất nông nghiệp quy mô lớn, công nghệ cao giai đoạn 2026 - 2030 đạt 440 ha; trong đó, diện tích đất sản xuất 6 nông nghiệp được ứng dụng công nghệ cao 160 ha; giá trị sản phẩm trên 01 ha đất trồng trọt và nuôi trồng thủy sản năm 2030 đạt 166 triệu đồng; tổng đàn gia súc, gia cầm năm 2030 đạt 393,5 nghìn con trở lên; sản lượng nuôi trồng, khai thác thủy sản năm 2030 đạt 458 tấn.

+ Thành lập mới doanh nghiệp trong giai đoạn 2026-2030 là 60 doanh nghiệp.

- Tổ chức tuyên truyền, quán triệt, nâng cao nhận thức về phát triển kinh tế nhà nước, nâng cao nhận thức, trách nhiệm về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của kinh tế nhà nước trong nền kinh tế quốc dân. Thông qua công tác tuyên truyền,

quán triệt, tiếp tục đổi mới mạnh mẽ tư duy trong lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức triển khai thực hiện; tạo sự thống nhất cao về nhận thức và hành động trong toàn hệ thống chính trị, sự đồng thuận trong xã hội đối với việc triển khai thực hiện Nghị quyết; góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu đến năm 2029 xã Vĩnh Lộc trở thành xã nông thôn mới nâng cao.

- Đối với đất đai và tài nguyên: Tổ chức rà soát, điều chỉnh, bổ sung và thực hiện nghiêm quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; bảo đảm sử dụng đất đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả. Tăng cường quản lý nhà nước về đất đai kịp thời phát hiện, xử lý các trường hợp vi phạm pháp luật; không để xảy ra lấn chiếm, sử dụng sai mục đích, thất thoát nguồn lực đất đai; đẩy mạnh tích tụ, tập trung đất nông nghiệp; phát triển sản xuất quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao; nâng cao hiệu quả khai thác, sử dụng tài nguyên; gắn với bảo vệ môi trường, phát triển bền vững.

- Đối với tài sản kết cấu hạ tầng: Tổ chức rà soát, thống kê đầy đủ tài sản công; thực hiện quản lý, theo dõi chặt chẽ theo quy định; sắp xếp, xử lý nhà, đất bảo đảm sử dụng đúng mục đích, hiệu quả, tránh thất thoát, lãng phí. Thực hiện công khai, minh bạch trong quản lý, sử dụng tài sản công; chấp hành nghiêm các quy định về tiêu chuẩn, định mức; tăng cường kiểm tra, kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm.

- Đối với ngân sách nhà nước: Tổ chức quản lý chặt chẽ, củng cố, nuôi dưỡng các nguồn thu ngân sách trên địa bàn; thực hiện thu đúng, thu đủ, chống thất thu; điều hành chi ngân sách tiết kiệm, hiệu quả.

- Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về kinh tế: Đẩy mạnh cải cách hành chính; nâng cao năng lực cán bộ và chất lượng, hiệu quả giải quyết công việc; ứng dụng công nghệ thông tin, thúc đẩy chuyển đổi số trong quản lý, điều hành; tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính; phát huy vai trò phối hợp giữa các bộ phận chuyên môn trong quản lý, điều hành phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn

- UBND xã đã ban hành Kế hoạch số 84/KH-UBND ngày 09/04/2026 về phát triển kinh tế nhà nước trên địa bàn để triển khai thực hiện tại đơn vị tập trung cụ thể hóa các nhiệm vụ, giải pháp phù hợp với điều kiện thực tế của xã cụ thể là:

Tăng cường quản lý, sử dụng hiệu quả đất đai, tài nguyên: Tổ chức rà soát, điều chỉnh, bổ sung và thực hiện nghiêm quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất; bảo đảm sử dụng đất đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả. Tăng cường quản lý nhà nước về đất đai; kịp thời phát hiện, xử lý các trường hợp vi phạm pháp luật; không để xảy ra lấn chiếm, sử dụng sai mục đích, thất thoát nguồn lực đất đai. Đẩy mạnh tích tụ, tập trung đất nông nghiệp; phát triển sản xuất quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao.

Nâng cao hiệu quả khai thác, sử dụng tài nguyên; gắn với bảo vệ môi trường, phát triển bền vững.

Nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng tài sản công: Tổ chức rà soát, thống kê đầy đủ tài sản công; thực hiện quản lý, theo dõi chặt chẽ theo quy định; sắp xếp, xử lý nhà, đất, trụ sở làm việc, công trình công cộng, bảo đảm sử dụng đúng mục đích, hiệu quả, tránh thất thoát, lãng phí. Thực hiện công khai, minh bạch trong quản lý, sử dụng tài sản công; chấp hành nghiêm các quy định về tiêu chuẩn, định mức; tăng cường kiểm tra, kịp thời phát hiện và xử lý nghiêm các hành vi vi phạm.

Tăng cường quản lý, điều hành ngân sách nhà nước: Tổ chức quản lý chặt chẽ các nguồn thu ngân sách trên địa bàn; thực hiện thu đúng, thu đủ, chống thất thu; nâng cao hiệu quả công tác quản lý thu ngân sách nhà nước. Điều hành chi ngân sách tiết kiệm, hiệu quả, đúng quy định; ưu tiên bố trí chi đầu tư phát triển, bảo đảm phù hợp với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Nâng cao chất lượng công tác lập, phân bổ, chấp hành và quyết toán ngân sách; thực hiện công khai, minh bạch; tăng cường kỷ luật, kỷ cương tài chính – ngân sách.

Nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng vốn đầu tư công: Nâng cao chất lượng công tác lập, quản lý và tổ chức thực hiện kế hoạch đầu tư công; bảo đảm đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, phù hợp với quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; ưu tiên bố trí vốn đầu tư các công trình hạ tầng thiết yếu phục vụ sản xuất và đời sống Nhân dân. Tăng cường quản lý nhà nước đối với các dự án đầu tư công; kiểm soát chặt chẽ tiến độ, khối lượng, chất lượng công trình; thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật về đầu tư xây dựng; phòng, chống thất thoát, lãng phí; không để xảy ra nợ đọng xây dựng cơ bản.

- UBND xã đã xây dựng kế hoạch số 78/KH-UBND ngày 03/4/2026 thực hiện Nghị quyết số 80-NQ/TW về phát triển văn hóa Việt Nam, tập trung cụ thể hóa các nhiệm vụ phù hợp thực tiễn địa phương. Trong đó, chú trọng xây dựng môi trường văn hóa cơ sở lành mạnh, phát huy giá trị truyền thống: bảo đảm 100% các thôn/khu phố có thiết chế văn hoá đáp ứng được nhu cầu thụ hưởng văn hoá của người dân ở cơ sở, 90% thiết chế văn hoá cơ sở hoạt động thường xuyên, hiệu quả; hoàn thành việc số hoá 100% các di tích đã được xếp hạng, 100% di tích đã được xếp hạng được bảo vệ, phát huy giá trị theo đúng quy định của pháp luật. Thực hiện đúng quy định về trình tự, thủ tục lập hồ sơ đề nghị trùng tu, tôn tạo di tích. Phần đầu trên 90% hộ gia đình đạt danh hiệu “Gia đình văn hóa”; tỷ lệ người luyện tập thể thao thường xuyên đạt trên 58% dân số và trên 35% hộ gia đình. Đẩy mạnh chuyển đổi số trong lĩnh vực văn hóa, đẩy mạnh số hóa tư liệu, phát triển sản phẩm văn hóa số, nâng cao hiệu quả truyền thông số và khuyến khích sáng tạo văn hóa trong cộng đồng, trường học. Tăng cường xã hội hóa, huy động nguồn lực đầu tư cho văn hóa, phần đầu chi ngân sách cho sự nghiệp văn hóa đạt từ 2% trở lên. Chú

trọng đào tạo cán bộ văn hóa, bảo đảm 100% cán bộ, công chức, viên chức được bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn theo vị trí việc làm.

- Công tác thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, tháo gỡ điểm nghẽn, khó khăn, vướng mắc; cải cách thủ tục hành chính để giải phóng nguồn lực phục vụ phát triển kinh tế, xã hội.

UBND xã tiếp tục tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý, sử dụng ngân sách, tài sản công và đầu tư công; kịp thời rà soát, tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc phát sinh trong quá trình triển khai nhiệm vụ tại địa phương. Đẩy mạnh cải cách hành chính, nâng cao trách nhiệm của cán bộ, công chức nhằm hạn chế phát sinh điểm nghẽn, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước trên địa bàn xã. Kết quả năm 2025, các cơ quan, đơn vị hành chính, sự nghiệp và UBND các xã, đã thực hiện tiết kiệm 10% chi thường xuyên, 40% học phí theo quy định để tạo nguồn cải cách tiền lương là 2.732 triệu đồng, gồm: Ngân sách xã 1.722 triệu đồng; 40% học phí 1.010 triệu đồng. Năm 2026, UBND xã tiếp tục đẩy mạnh công tác THTK, CLP trong mọi lĩnh vực của đời sống kinh tế - xã hội để sử dụng có hiệu quả nguồn lực và góp phần tích cực bổ sung nguồn lực thực hiện các mục tiêu tăng trưởng phát triển kinh tế, ổn định đời sống, tiêu dùng của nhân dân, bảo đảm an sinh xã hội, góp phần cho sự phát triển kinh tế - xã hội của xã năm 2026, xây dựng và phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2026-2030.

2. Việc lãnh đạo, chỉ đạo công tác rà soát, điều chỉnh và hoàn thiện hệ thống quy hoạch

Hiện nay trên địa bàn xã Vĩnh Lộc chưa có thay đổi lớn làm thay đổi tính chất chức năng quy hoạch cũ và cần thực hiện ngay trong năm 2026, đồng thời hiện nay xã cũng chưa có định hướng mới, lớn phát triển làm thay đổi cơ bản các quy hoạch trước đây. Trong khi các thay đổi khi lập quy hoạch mới hay điều chỉnh cục bộ đều phải xin ý kiến Trung ương vì phụ thuộc vào quy hoạch tổng thể do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Do đó, UBND xã đề xuất trong năm 2026 chưa lập mới cũng như điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chung xã và đề xuất sẽ tiếp tục rà soát cũng như cập nhật định hướng phát triển trong quy hoạch tỉnh Thanh Hóa sẽ được phê duyệt trong thời gian tới để làm cơ sở lập quy hoạch chung xã Vĩnh Lộc.

3. Việc lãnh đạo cải cách thể chế, đơn giản hóa thủ tục hành chính và cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh

Thực hiện Nghị quyết số 66-NQ/TW về “đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới”, Kế hoạch số 280-KH/TU ngày 19/6/2026 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác

xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới, Kế hoạch số 09-KH/ĐU triển khai thực hiện Nghị quyết số 66-NQ/TW ngày 07/8/2025 của Bộ Chính trị về đổi mới công tác xây dựng và thi hành pháp luật đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong kỷ nguyên mới, Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Lộc đã ban hành Kế hoạch số 20/KH-UBND ngày 10/8/2025 về triển khai thực hiện Nghị quyết số 66- NQ/TW ngày 30/4/2025 của Bộ Chính trị. Tổ chức quán triệt, triển khai thực hiện Nghị quyết số 66/NQ-TW trên địa bàn xã; bước đầu đã nâng cao nhận thức, ý thức về việc tổ chức thi hành pháp luật tại địa phương.

Thường xuyên chủ động kiểm tra, rà soát các quy định của pháp luật để phát hiện, kiến nghị xử lý các quy định mâu thuẫn, chồng chéo, hết hiệu lực hoặc không còn phù hợp.

Thực hiện nghiêm việc tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức, doanh nghiệp về quy định hành chính theo quy định; tăng cường rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính, cắt giảm khâu trung gian, công khai minh bạch thủ tục hành chính, phí, lệ phí và thời gian giải quyết hồ sơ. Đồng thời đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, số hóa hồ sơ, sử dụng chữ ký số, thanh toán trực tuyến và biên lai điện tử nhằm giảm thời gian, chi phí thực hiện thủ tục hành chính; từng bước chuyển đổi tư duy từ “quản lý” sang “phục vụ”, lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm.

Hoạt động của Trung tâm Phục vụ hành chính công tiếp tục được nâng cao; quy trình tiếp nhận, giải quyết hồ sơ được chuẩn hóa, tạo thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp. Tỷ lệ giải quyết thủ tục hành chính đúng và trước hạn đạt 99,98%; tỷ lệ hồ sơ trực tuyến mức độ 3 và mức độ 4 đạt 100%. Kết quả đánh giá mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp trong việc thực hiện thủ tục hành chính và cung ứng dịch vụ đạt 100%. Chỉ tiêu công khai minh bạch 18/18 điểm (xếp thứ 16/166); tiến độ giải quyết công việc 19,89/20 điểm (xếp thứ 10/166).

4. Việc tập trung tháo gỡ khó khăn, giải quyết dứt điểm các dự án tồn đọng, kéo dài

Công tác rà soát các dự án trên địa bàn xã được thực hiện thường xuyên; hiện nay xã không có dự án tồn đọng, kéo dài hoặc phát sinh khó khăn, vướng mắc cần tập trung tháo gỡ theo tinh thần Kết luận số 77-KL/TW ngày 02/5/2024 của Bộ Chính trị.

5. Việc lãnh đạo, chỉ đạo công tác đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 – 2030

- Nguyên tắc bố trí vốn, việc khắc phục tình trạng đầu tư dàn trải, thất thoát, lãng phí: UBND xã Vĩnh Lộc đã lập Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2026-2030 dựa trên nguyên tắc Bố trí đủ vốn cho các dự án hoàn thành, bàn giao và đưa vào sử dụng năm 2025 sau đó bố trí đủ vốn cho các dự án chuyển tiếp, hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng trong năm 2026. Sau khi bố trí đủ vốn cho các dự án nêu trên, nếu còn vốn mới xem xét bố trí cho các dự án khởi công mới. Đối với dự án khởi công mới phải lựa chọn những dự án thật sự cấp thiết theo chủ trương, nghị quyết của Đảng, Nghị quyết của Hội đồng nhân dân, những công trình phục vụ dân sinh, đáp ứng sự phát triển địa phương.

- Việc rà soát, xử lý các dự án dở dang; ưu tiên bố trí vốn đối ứng cho dự án ODA, khu tái định cư, dự án chuyển tiếp, nâng cấp công trình ngầm trên miền núi: Trên địa bàn xã Vĩnh Lộc hiện nay không có dự án ODA, khu tái định cư, dự án chuyển tiếp, nâng cấp công trình ngầm trên miền núi.

- Tiến độ các công trình trọng điểm, đột phá, lan toả lớn (đặc biệt trong lĩnh vực y tế, giáo dục): Không có công trình.

6. Việc cải cách hành chính

- Kết quả thực hiện cải cách thủ tục hành chính

UBND xã tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính gắn với chuyển đổi số, nâng cao hiệu quả hoạt động của cơ chế “một cửa”, “một cửa liên thông”. Trung tâm Phục vụ hành chính công xã được đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị công nghệ thông tin đồng bộ; thực hiện tốt việc tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân. Thực hiện cắt giảm đơn giản hoá thủ tục hành chính như: Đăng ký kinh doanh thời gian giải quyết trung bình từ 3 ngày xuống còn 1,5 ngày; Tỷ lệ hồ sơ giải quyết đúng hạn và sớm hạn đạt 100%; Các thủ tục hành chính liên quan đến xác nhận giấy tờ, cấp phép được rút ngắn thời gian giải quyết tạo thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp; môi trường kinh doanh trên địa bàn xã ngày càng minh bạch, tạo niềm tin cho cá nhân, tổ chức đầu tư phát triển kinh tế.

- Việc cải thiện môi trường đầu tư và nâng cao năng lực cạnh tranh; hiệu quả các mô hình, sáng kiến mới trong cải cách hành chính; tác động của cải cách hành chính đến mục tiêu tăng trưởng

Việc Cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh; hỗ trợ doanh nghiệp, hộ kinh doanh gia nhập thị trường, duy trì hoạt động và phát triển ổn định luôn được xã quan tâm thực hiện; Hỗ trợ kinh tế tư nhân tiếp cận đất đai, mặt bằng sản xuất, quy hoạch, hạ tầng và các nguồn lực cần thiết cho đầu tư, kinh doanh. Xã đã chủ động phối hợp với các cơ quan chuyên môn cấp trên trong việc rà soát, cập nhật quy hoạch sử dụng đất, đảm bảo tính thống nhất giữa quy hoạch phát triển kinh tế - xã

hội địa phương với quy hoạch ngành. Đặc biệt, trọng tâm trong kỳ báo cáo là công tác đẩy nhanh tiến độ Cụm Công nghiệp Vĩnh Hoà tại xã Vĩnh Hoà, huyện Vĩnh Lộc (nay là xã Vĩnh Lộc). Hiện nay, công tác giải phóng mặt bằng tại cụm đang được triển khai quyết liệt; các bước kiểm kê, chi trả tiền đền bù GPMB và vận động nhân dân bàn giao mặt bằng đã gần hoàn tất. Dự kiến cuối tháng 5/2026, UBND xã sẽ sớm thực hiện bàn giao mặt bằng sạch cho chủ đầu tư theo đúng lộ trình, nhằm tạo quỹ đất tập trung, sẵn sàng thu hút các doanh nghiệp tư nhân vào đầu tư sản xuất, từ đó hình thành các khu vực sản xuất quy mô lớn, chuyên nghiệp trên địa bàn.

7. Việc thực hiện các chính sách phát triển các thành phần kinh tế và thu hút đầu tư trọng điểm

- Việc triển khai Nghị quyết số 68-NQ/TW (phát triển kinh tế tư nhân); Kế hoạch số 282-KH/TU ngày 20/6/2025 của Ban thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân

Thực hiện Nghị quyết số 68-NQ/TW Kế hoạch số 282- KH/TU ngày 20/6/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết số 68- NQ/TW ngày 04/5/2025 của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế tư nhân và Nghị quyết số 79-NQ/TW (phát triển kinh tế nhà nước). UBND xã Vĩnh Lộc đã ban hành Kế hoạch số 71/KH-UBND ngày 19/09/2025 về phát triển kinh tế tư nhân trên địa bàn xã Vĩnh Lộc giai đoạn 2025 - 2030 và Kế hoạch số 84/KH-UBND ngày 09/04/2026 về phát triển kinh tế nhà nước trên địa bàn để triển khai thực hiện tại đơn vị; đồng thời đã xây dựng chuyên mục riêng tại trang, cổng thông tin điện tử của đơn vị để tiếp thu, kịp thời giải quyết các vướng mắc, phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp và cập nhật kết quả thực hiện các nhiệm vụ được giao.

- Việc đổi mới công tác xúc tiến đầu tư; kết quả xây dựng danh mục dự án ưu tiên đầu tư giai đoạn 2026-2030; kết quả thu hút các dự án công nghệ cao, phát thải thấp.

UBND xã đã từng bước đổi mới công tác xúc tiến đầu tư theo hướng chủ động, gắn với quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; tăng cường công khai thông tin, cải cách thủ tục hành chính và cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư, sản xuất kinh doanh trên địa bàn. Xây dựng chuyên mục riêng tại trang, cổng thông tin điện tử của đơn vị: <https://vinhloc.thanhhoa.gov.vn/ho-tro-nguoi-dan-doanh-nghiep> nhằm tiếp nhận, tổng hợp, kịp thời xử lý hoặc đề xuất xử lý các vướng mắc, phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp; đồng thời cập nhật, công khai kết quả thực hiện các nhiệm vụ được giao.

Thường xuyên rà soát, đề xuất danh mục dự án ưu tiên đầu tư giai đoạn 2026-2030, tập trung vào các lĩnh vực: phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, chế biến nông sản, thương mại - dịch vụ, hạ tầng số và hạ tầng thiết yếu phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

IV. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 57-NQ/TW VỀ CHUYỂN ĐỔI SỐ

1. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo

Ngay sau khi Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 và các văn bản chỉ đạo triển khai của Trung ương, của tỉnh, UBND xã Vĩnh Lộc đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo Phòng Văn hóa - Xã hội tham mưu tổ chức tuyên truyền, quán triệt sâu rộng đến toàn thể cán bộ, đảng viên, công chức và Nhân dân trên địa bàn xã. Nội dung tuyên truyền được thực hiện bằng nhiều hình thức phong phú, linh hoạt như: Thông báo tại các cuộc họp của Đảng ủy, UBND xã, các phòng...; triển khai trong các hội nghị giao ban tuần, tháng, quý; thông tin trên Trang thông tin điện tử xã; hệ thống truyền thanh cơ sở; lồng ghép trong các buổi sinh hoạt chi bộ, các cuộc họp thôn.

UBND xã đã tập trung tuyên truyền, phổ biến, quán triệt Nghị quyết số 57-NQ/TW và các văn bản liên quan bằng nhiều hình thức phù hợp; tổ chức 12 hội nghị chuyên đề lồng ghép, bảo đảm 100% cán bộ, công chức được học tập, nghiên cứu, và triển khai các nhiệm vụ về nghị quyết. Tổng số lượt cán bộ, công chức, viên chức được quán triệt là hơn 200 người. Đồng thời, đẩy mạnh tuyên truyền qua hệ thống truyền thanh, họp thôn, trường học, trang thông tin điện tử, mạng xã hội và các kênh nội bộ nhằm nâng cao nhận thức, phát huy vai trò tiên phong của cán bộ, vận động Nhân dân tích cực tham gia chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ trong phát triển kinh tế - xã hội và sử dụng dịch vụ công trực tuyến. Qua tuyên truyền, cán bộ, đảng viên và Nhân dân nhận thức rõ vai trò, ý nghĩa, mục tiêu đột phá của Nghị quyết 57-NQ/TW trong phát triển KHCN, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia. Nhờ thực hiện tốt công tác quán triệt, phổ biến, nhận thức và tinh thần trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, công chức trong triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số, phát triển khoa học – công nghệ trên địa bàn xã đã được nâng lên; góp phần tạo sự đồng thuận và thống nhất trong toàn hệ thống chính trị và Nhân dân đối với việc thực hiện Nghị quyết 57-NQ/TW.

2.1. Kết quả xây dựng, ban hành, tổ chức thực hiện Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW và Kế hoạch hành động số 266-KH/TU ngày 26/4/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy năm 2026, bám sát thực tiễn, rõ người, rõ việc, rõ trách nhiệm, rõ thời hạn, rõ kết quả

UBND xã đã tổ chức hội quán triệt, triển khai đầy đủ các văn bản chỉ đạo về Nghị quyết số 57-NQ/TW và Kế hoạch hành động số 266-KH/TU ngày 26/4/2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy năm 2026, Đề án 06, chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo đến cán bộ, công chức, Công an xã, các tổ dân phố và bộ phận chuyên môn. Qua triển khai, nhận thức của cán bộ, công chức về vai trò của khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số trong hoạt động quản lý nhà nước tại địa phương đã được nâng lên.

Ủy ban nhân dân xã đã ban hành các văn bản về chuyển đổi số sát với tình hình thực tế, có trọng tâm, trọng điểm và lộ trình phù hợp. Cụ thể là: 13 Kế hoạch, 04 Quyết định và nhiều công văn triển khai thực hiện. Thông qua các văn bản chỉ đạo, điều hành, nhận thức và trách nhiệm của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức về vai trò của khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo được nâng lên; tạo sự thống nhất trong lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện, góp phần thúc đẩy ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ vào các lĩnh vực phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trên địa bàn. *(Kèm theo Phụ lục IV-01)*

2.2. Kết quả thực hiện các nhiệm vụ theo Nghị quyết, Chương trình, Kế hoạch, các văn bản có liên quan của Trung ương giao và của cấp mình (Kèm theo Phụ lục IV-03)

Ủy ban nhân dân xã đã tổ chức thực hiện tổng số nhiệm vụ được giao báo cáo trên hệ thống theo dõi: Nghị quyết 57-NQ/TW (<https://nq57.vn>) có 34 nhiệm vụ, Kết quả cập nhật tiến độ tại Hệ thống thông tin giám sát, đánh giá việc thực hiện NQ57 (<https://nq57.vn>). UBND xã Vĩnh Lộc đã báo cáo bảo đảm thời gian, đúng tiến độ hàng ngày trước 16 giờ kể cả thứ 7 và chủ nhật đạt 100%.

Ngày 14/11/2025 xã Vĩnh Lộc là 1 trong 4 xã đầu tiên của tỉnh Thanh Hoá (*Hà Long, Vĩnh Lộc, Hoằng Sơn, Thọ Long*) hoàn thành việc đánh giá thực hiện Nghị quyết 57 tại hệ thống giám sát, đánh giá của Trung ương. UBND xã đã tập trung chỉ đạo, tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được giao theo Nghị quyết, Chương trình, Kế hoạch và các văn bản cấp trên giao. Các chỉ tiêu, nhiệm vụ trọng tâm thuộc phạm vi trách nhiệm của UBND xã đã được rà soát, thực hiện, xử lý theo thẩm quyền; đạt mức độ hoàn thành cao. Nội dung kết quả được nêu trực tiếp trong từng nhóm nhiệm vụ, bảo đảm báo cáo ngắn gọn, rõ trọng tâm.

2.3. Về tiếp nhận xử lý phản ánh, kiến nghị, sáng kiến, giải pháp (PAKN, SKGP) về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số thông qua Hệ thống pagn.nq57.vn và các kênh có liên quan (Kèm theo PL IV.1)

Về công tác tiếp nhận, phân loại và xử lý phản ánh, kiến nghị, sáng kiến, giải pháp liên quan khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số, xã đã bố trí đầu mối tiếp nhận tại bộ phận “Trung tâm Hành chính công xã” và thông qua

kênh thông tin chính thức của địa phương; các kiến nghị, sáng kiến đúng thẩm quyền được chuyển cho các phòng, ban chức năng nghiên cứu, trả lời hoặc đề xuất phương án xử lý. Đảng ủy xã đã yêu cầu bộ phận chuyên môn ghi nhận, tổng hợp đầy đủ các PAKN, SKGP, cập nhật trạng thái xử lý trên hệ thống pakn.nq57.vn và báo cáo kịp thời những vướng mắc, đề xuất hỗ trợ chuyên môn, tài chính từ cấp trên.

- Tổng số PA,KN, SK,GP đã nhận được; trong đó, số PA,KN, SK,GP đã giải quyết, số PA,KN, SK,GP tồn đọng/chưa được tiếp nhận: Không.

- Các nội dung tập trung kiến nghị: Không.

2.4. Việc báo cáo Trung ương các tư duy, sáng kiến đột phá và đặt hàng các sản phẩm cần thiết cho phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (KHCCN, ĐMST, CDS) trên Hệ thống pakn.nq57.vn (Kèm theo PL IV.2, PL IV.3)

UBND xã đã chủ động nghiên cứu, đề xuất và báo cáo các sáng kiến, giải pháp, mô hình mới phục vụ phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số phù hợp với tình hình thực tiễn của địa phương thông qua Hệ thống pakn.nq57.vn và các kênh báo cáo theo quy định.

Một số nội dung trọng tâm được quan tâm đề xuất gồm: xây dựng cơ sở dữ liệu dùng chung; nâng cao hiệu quả giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường số; phát triển hạ tầng số cấp cơ sở; ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong quản lý nhà nước; số hóa hồ sơ, tài liệu; phát triển kỹ năng số cộng đồng và hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số.

Đồng thời, xã chủ động đề xuất nhu cầu hỗ trợ, đặt hàng các giải pháp công nghệ, phần mềm quản lý, nền tảng số và các sản phẩm phục vụ chuyển đổi số nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý, điều hành và phục vụ người dân trong giai đoạn mới.

2.5. Việc xác định các chỉ số đánh giá kết quả thực hiện (KPI) tương ứng với từng nhiệm vụ đề ra.

UBND xã đã bước đầu xây dựng hệ thống chỉ số đánh giá kết quả thực hiện (KPI) đối với các nhiệm vụ trọng tâm về khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số nhằm theo dõi, đánh giá tiến độ, chất lượng và hiệu quả thực hiện.

Các chỉ số KPI được xác định gắn với từng lĩnh vực, từng cơ quan, đơn vị và kết quả đầu ra cụ thể như: tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến; tỷ lệ số hóa hồ sơ, tài liệu; tỷ lệ sử dụng chữ ký số; tỷ lệ văn bản điện tử; mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp; tỷ lệ cán bộ được đào tạo kỹ năng số; tỷ lệ thanh toán không dùng tiền mặt; tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến toàn trình; mức độ hoàn thành các nhiệm vụ theo kế hoạch.

Việc theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện được lồng ghép với công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị và người đứng đầu, góp phần nâng cao trách nhiệm, tính chủ động và hiệu quả trong tổ chức thực hiện các nhiệm vụ về khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trên địa bàn.

3. Công tác hoàn thiện thể chế, chính sách

3.1. Tình hình, kết quả thực hiện:

UBND xã đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện công tác hoàn thiện thể chế, chính sách phục vụ phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số theo tinh thần Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị và các văn bản chỉ đạo của Trung ương, của tỉnh. Công tác rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung và ban hành các văn bản chỉ đạo, điều hành được thực hiện kịp thời, bảo đảm phù hợp với quy định pháp luật và tình hình thực tiễn của địa phương.

Các phòng, cơ quan, đơn vị đã chủ động rà soát các quy chế, quy định, quy trình nội bộ liên quan đến cải cách hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, quản lý dữ liệu, bảo đảm an toàn thông tin mạng và cung cấp dịch vụ công trực tuyến nhằm tháo gỡ những khó khăn, bất cập phát sinh trong quá trình thực hiện.

UBND xã từng bước hoàn thiện cơ chế phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị trong triển khai nhiệm vụ chuyển đổi số; tăng cường phân công, phân cấp, xác định rõ trách nhiệm của từng tập thể, cá nhân trong thực hiện nhiệm vụ. Đồng thời, quan tâm xây dựng các chính sách hỗ trợ ứng dụng khoa học công nghệ, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, khuyến khích doanh nghiệp, tổ chức và người dân tham gia chuyển đổi số.

Công tác cải cách thủ tục hành chính tiếp tục được đẩy mạnh; nhiều thủ tục hành chính được rà soát, đơn giản hóa, rút ngắn thời gian giải quyết; việc số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính và sử dụng văn bản điện tử được triển khai đồng bộ, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước và chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp. Bên cạnh đó, địa phương đã tăng cường tuyên truyền, phổ biến các chủ trương, chính sách mới về khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và Nhân dân trong quá trình tổ chức thực hiện.

3.2. Tự nhận xét, đánh giá:

a) Ưu điểm:

Cấp ủy, chính quyền địa phương đã quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo công tác hoàn thiện thể chế, chính sách phục vụ phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng

tạo và chuyển đổi số; nhiều văn bản chỉ đạo, kế hoạch, quy chế được ban hành tương đối đầy đủ, kịp thời, bám sát yêu cầu thực tiễn và định hướng của Trung ương, của tỉnh.

Công tác cải cách hành chính, đơn giản hóa thủ tục hành chính và ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành có nhiều chuyển biến tích cực; nhận thức của cán bộ, công chức và người dân về vai trò của chuyển đổi số ngày càng được nâng lên. Việc phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị trong triển khai nhiệm vụ từng bước chặt chẽ hơn, góp phần nâng cao hiệu quả thực hiện nhiệm vụ.

b) Tôn tại, hạn chế, khó khăn, vướng mắc:

Việc rà soát đề xuất cơ chế, chính sách ở một số lĩnh vực còn chậm; một số quy định, quy trình chưa đồng bộ, chưa theo kịp yêu cầu thực tiễn của chuyển đổi số và đổi mới sáng tạo. Công tác rà soát, tham mưu sửa đổi, bổ sung văn bản ở một số cơ quan, đơn vị còn hạn chế, chưa thật sự chủ động.

Hạ tầng công nghệ thông tin tại một số cơ quan, đơn vị chưa đồng bộ; nguồn lực đầu tư cho khoa học công nghệ và chuyển đổi số còn khó khăn; nguồn nhân lực có trình độ chuyên sâu về công nghệ thông tin, chuyển đổi số còn thiếu.

Việc liên thông, chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống còn hạn chế; tỷ lệ số hóa hồ sơ, tài liệu ở một số lĩnh vực chưa cao; việc ứng dụng các nền tảng số trong hoạt động chuyên môn chưa đồng đều giữa các phòng, đơn vị.

c) Nguyên nhân:

Hệ thống văn bản hướng dẫn ở một số lĩnh vực còn trong quá trình hoàn thiện; yêu cầu chuyển đổi số diễn ra nhanh trong khi nguồn lực đầu tư của địa phương còn hạn chế; hạ tầng số và điều kiện kỹ thuật chưa đồng bộ.

Công tác tham mưu ở một số phòng, đơn vị chưa thật sự quyết liệt; việc phối hợp trong triển khai thực hiện có lúc chưa chặt chẽ; năng lực ứng dụng công nghệ thông tin và kỹ năng số của một bộ phận cán bộ, công chức còn hạn chế; trách nhiệm người đứng đầu ở một số phòng, đơn vị trong chỉ đạo triển khai chuyển đổi số chưa thật sự rõ nét, quyết liệt.

d) Giải pháp khắc phục:

Tiếp tục rà soát, hoàn thiện cơ chế, chính sách, quy chế, quy trình phục vụ phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; tăng cường phân cấp, phân quyền gắn với kiểm tra, giám sát và xác định rõ trách nhiệm người đứng đầu.

Đẩy mạnh cải cách hành chính, đơn giản hóa thủ tục hành chính; tăng cường số hóa dữ liệu, kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan, đơn vị; nâng cao hiệu quả

cung cấp dịch vụ công trực tuyến và chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp.

Quan tâm đầu tư, nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin, hạ tầng số; tăng cường đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng số cho cán bộ, công chức, viên chức; khuyến khích đổi mới sáng tạo và ứng dụng khoa học công nghệ trong thực tiễn công tác.

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện; kịp thời biểu dương các mô hình hiệu quả, đồng thời chấn chỉnh, xử lý trách nhiệm đối với các tập thể, cá nhân chậm triển khai hoặc thực hiện chưa hiệu quả.

đ) Trách nhiệm về những tồn tại, hạn chế:

Những tồn tại, hạn chế nêu trên trước hết thuộc trách nhiệm của cấp ủy, chính quyền, người đứng đầu các phòng, đơn vị trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện nhiệm vụ về khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số. Một số phòng, đơn vị chưa thật sự chủ động trong tham mưu, triển khai thực hiện; công tác phối hợp có lúc chưa chặt chẽ; việc kiểm tra, đôn đốc, đánh giá kết quả thực hiện chưa thường xuyên, quyết liệt.

4. Công tác chuyển đổi số

4.1. Chuyển đổi số trong hệ thống chính trị

4.1.1. Về hạ tầng số dùng chung

a) Tình hình kết quả thực hiện

- Xã Vĩnh Lộc hiện có 03 nhà mạng (VNPT, Viettel, Mobifone) phủ sóng di động 4G đến 100% thôn, khu phố và các cơ quan, đơn vị trên địa bàn xã. Có 06 trạm phát sóng 5G (*Trung tâm xã có 2 trạm, khu phố 2 có 1 trạm, chợ Bìm 1 trạm, khu phố 1 có 1 trạm, thôn Bái Xuân có 1 trạm*).

- Hệ thống Internet cáp quang đã phủ 100% thôn và khu phố, các cơ quan, đơn vị, trường học, trạm y tế đã kết nối Internet cáp quang 100%.

- Tại trụ sở UBND xã sử dụng đường truyền Internet và đường truyền mạng số liệu chuyên dùng để thực hiện. Mỗi đường truyền sử dụng thiết lập tối thiểu hai kênh truyền cáp quang theo hai hướng vật lý khác nhau để dự phòng kết nối, tính sẵn sàng đảm bảo thông rộng và tốc độ cao, đáp ứng dung lượng so với số lượng người dùng.

- Hệ thống mạng LAN tại Đảng ủy, HĐND-UBND, UBMTTQ xã Vĩnh Lộc được lắp mới hoàn toàn bởi Vinaphone, sử dụng 2 đường truyền internet, mỗi đường truyền có dung lượng 500 Mbps, 01 Ip tĩnh, sử dụng cho đường truyền hội nghị 4 Mbps và đường chuyên số liệu chuyên dùng phần mềm dùng chung của tỉnh tốc độ 6 Mbps. Các thiết bị kết nối đường truyền như: có máy thiết bị Switch Layer2 là 4 con.

- UBND xã Vĩnh Lộc có 2 phòng họp trực tuyến hoạt động tốt, đang sử dụng thiết bị polycom để kết nối hội nghị truyền hình thông suốt với tỉnh và Trung ương. 01 máy vi tính dành riêng phục vụ cài đặt phần mềm phục vụ họp trực tuyến, các thiết bị cần có trong phòng họp trực tuyến đã đầy đủ và đảm bảo, vị trí lắp đặt thiết bị đầu cuối phục vụ họp trực tuyến đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật, các vị trí trong phòng họp đều có thể phát biểu và nghe rõ âm thanh từ hệ thống họp trực tuyến.

- Cổng thông tin điện tử tại UBND xã có địa chỉ đã được phê duyệt, gắn nhãn tín nhiệm mạng, địa chỉ <https://vinhloc.thanhhoa.gov.vn/>.

- Cán bộ, công chức, viên chức UBND xã Vĩnh Lộc được trang bị máy tính (01 máy tính và 01 máy in/01 cán bộ công chức đạt 100%), đảm bảo cho công tác chuyên môn, tham mưu văn bản điện tử và tiếp nhận, giải quyết dịch vụ công trực tuyến trên môi trường mạng; được cài đặt phần mềm diệt virus bản quyền BKAV. 100% cán bộ công chức làm việc trên môi trường mạng.

- Việc sử dụng chữ ký số của lãnh đạo và công chức chuyên môn đạt 100%, hồ sơ công việc được ký qua hệ thống đảm bảo thông suốt.

- Hệ thống đài truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin - Viễn thông được đầu tư hoạt động hiệu quả phục vụ tốt công tác tuyên truyền các nhiệm vụ chính trị, công tác chuyển đổi số, Đề án 06 và CCHC của xã đến với toàn thể nhân dân.

b) Tự nhận xét, đánh giá:

- *Ưu điểm:* Hạ tầng số dùng chung từng bước được đầu tư; các hệ thống thông tin cơ bản vận hành ổn định, phục vụ hiệu quả công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành và giải quyết công việc. Nhận thức của cán bộ, công chức về vai trò của hạ tầng số trong chuyển đổi số ngày càng được nâng lên.

- *Tồn tại, hạn chế, khó khăn, vướng mắc:* Một số trang thiết bị công nghệ thông tin đã xuống cấp, chưa đáp ứng yêu cầu xử lý dữ liệu lớn và triển khai các nền tảng số mới, hạ tầng chưa đồng bộ. Chất lượng đường truyền chưa thật sự ổn định; hạ tầng kỹ thuật giữa các đơn vị còn thiếu tính đồng bộ. Nguồn lực đầu tư cho hạ tầng số còn hạn chế; kinh phí duy trì, nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu thực tế.

- *Nguyên nhân:* Nguồn ngân sách địa phương còn khó khăn; tốc độ phát triển và yêu cầu của chuyển đổi số ngày càng cao trong khi khả năng đầu tư hạ tầng chưa theo kịp. Công tác tham mưu đầu tư, nâng cấp hạ tầng ở một số đơn vị còn chậm.

- *Giải pháp khắc phục:* Tiếp tục rà soát, nâng cấp hạ tầng số dùng chung; ưu tiên đầu tư trang thiết bị công nghệ thông tin, đường truyền, hệ thống lưu trữ dữ liệu và bảo đảm an toàn thông tin mạng. Tăng cường huy động các nguồn lực xã hội hóa phục vụ phát triển hạ tầng số.

- *Trách nhiệm về những tồn tại, hạn chế:* Trách nhiệm thuộc cấp ủy, chính quyền, người đứng đầu các cơ quan, đơn vị trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, bố trí nguồn lực và tổ chức thực hiện nhiệm vụ phát triển hạ tầng số.

4.1.2. Về dữ liệu, nền tảng số

a) Tình hình kết quả thực hiện

UBND xã Vĩnh Lộc đã thành lập và duy trì các kênh mạng xã hội chính thức gồm:

+ Hướng dẫn người dân, doanh nghiệp các sàn giao dịch điện tử như: postmart, voso, ví điện tử... nhằm tạo thuận lợi hơn trong việc mua bán, giao dịch hàng hóa, sản phẩm lên các sàn điện tử (*Rượu sâm báo An Tâm, chè Lam phủ Quảng Lâm thu, nước rửa chén hương núi Vân*)

+ Trang Facebook “tin tức Xã Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hoá” địa chỉ: <https://www.facebook.com/profile.php?id=61577902623887> để đăng tải thông tin về các hoạt động của xã nhằm tuyên truyền, hướng dẫn người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến, các hoạt động an sinh xã hội...trong xã.

+Trang facebook công an xã Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hoá: địa chỉ số: <https://www.facebook.com/profile.php?id=100066584436922> là trang Cập nhật thông tin, tình hình về ANTT Tuyên truyền kiến thức pháp luật, an toàn thông tin mạng tiếp nhận phản ánh của người dân về các vấn đề liên quan đến ANTT.

+ Trang facebook Mặt trận tổ quốc xã Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hoá: địa chỉ số: <https://www.facebook.com/profile.php?id=61578086377783>.

+ Các nhóm zalo tương tác giữa cán bộ, công chức với 40 bí thư, trưởng thôn, khu phố trên địa bàn: <https://zalo.me/g/ftxfqh939>.

+ Các nhóm Zalo của thôn (40/40 thôn/khu phố) phục vụ trao đổi thông tin về chính trị, kinh tế, văn hóa - an sinh xã hội, cảnh báo thiên tai, dịch bệnh, và thông tin chuyển đổi số. Các thôn, tổ công nghệ số cộng đồng chủ động tuyên truyền kỹ năng số qua Zalo, Facebook, tạo phong trào “toàn dân dùng mạng xã hội vì mục tiêu số hóa”.

+ Mạng xã hội đã trở thành kênh thông tin nhanh, linh hoạt và thân thiện, giúp chính quyền xã tương tác với người dân kịp thời. Nhiều thông tin chỉ đạo, hướng dẫn về dịch vụ công, phòng chống dịch, hay đăng ký thủ tục hành chính được truyền đạt trực tiếp đến người dân, giảm thời gian tiếp nhận thông tin từ 2-3 ngày xuống còn vài giờ.

UBND xã đã khai thác, sử dụng hiệu quả các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, các nền tảng số do tỉnh, các bộ, ngành trung ương cung cấp. Tính đến thời

điểm hiện tại, UBND xã Vĩnh Lộc đã hoàn thành rà soát, cập nhật các cơ sở dữ liệu chuyên ngành bao gồm: CSDL dân cư, đất đai, hộ tịch, giáo dục, y tế, an sinh xã hội, CSDL cán bộ, công chức, viên chức, phần mềm quản lý văn bản TDoffice, phần mềm chi trả người có công, phần mềm dân số, phần mềm cơ sở dữ liệu đối tượng bảo trợ xã hội, phần mềm phổ cập, phần mềm cơ sở giữ liệu ngành, hồ sơ điện tử; phần mềm MISA tổng hợp (NSNN): lekimaapp.misa.vn; phần mềm quản lý tài sản: qltsapp.misa.vn; phần mềm quản lý tài sản của Bộ TC: qltsc.mof.gov.vn; phần mềm tổng kiểm kê tài sản công: kktsc.mof.gov.vn; PM tra cứu trên tabmis: baocaons.com. Dữ liệu được lưu trữ, đồng bộ và chia sẻ thông qua hệ thống đảm bảo kết nối với nền tảng số của tỉnh.

Kết nối, chia sẻ dữ liệu dân cư với hệ thống định danh điện tử VNeID và Cơ sở dữ liệu quốc gia. Thực hiện cập nhật 100% biến động nhân khẩu, hộ khẩu, khai sinh, khai tử, chứng thực... trên phần mềm dùng chung của Bộ Công an.

Dữ liệu trường học, học sinh, cơ sở vật chất, điểm trường được cập nhật định kỳ.

Các trạm y tế, cơ sở khám chữa bệnh trên địa bàn đã đồng bộ dữ liệu hồ sơ sức khỏe điện tử 29387/36180 đạt 81%.

Tỷ lệ dân số trưởng thành dùng dịch vụ tư vấn sức khỏe trực tuyến, khám chữa bệnh từ xa đạt 7109/26236 đạt 27,09%.

b) Tự nhận xét, đánh giá

- Ưu điểm: Công tác xây dựng dữ liệu số và triển khai nền tảng số được quan tâm thực hiện; nhiều cơ quan, đơn vị đã chủ động ứng dụng nền tảng số trong quản lý, điều hành và xử lý công việc chuyên môn.

- Tồn tại, hạn chế, khó khăn, vướng mắc: Dữ liệu giữa các ngành, lĩnh vực còn phân tán; khả năng liên thông, chia sẻ dữ liệu chưa đồng bộ. Tỷ lệ số hóa hồ sơ ở một số lĩnh vực còn thấp; chất lượng dữ liệu chưa đồng đều.

- Nguyên nhân: Nguồn nhân lực chuyên trách về công nghệ thông tin còn thiếu; hạ tầng lưu trữ, quản trị dữ liệu chưa hoàn thiện; nhận thức về quản trị dữ liệu số ở một số phòng, đơn vị còn hạn chế.

- Giải pháp khắc phục: Tiếp tục đẩy mạnh số hóa dữ liệu; hoàn thiện các cơ sở dữ liệu chuyên ngành; tăng cường kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các phòng, đơn vị. Nâng cao chất lượng quản trị dữ liệu và bảo đảm an toàn thông tin.

- Trách nhiệm về những tồn tại, hạn chế: Trách nhiệm thuộc các phòng, đơn vị trong công tác tổ chức thực hiện, cập nhật dữ liệu và phối hợp chia sẻ dữ liệu phục vụ quản lý nhà nước.

4.1.3. Về thủ tục hành chính và dịch vụ công trực tuyến

a) Tình hình kết quả thực hiện

Trung tâm phục vụ hành chính công xã đã trang bị đầy đủ cơ sở vật chất, hoạt động thông suốt, hiệu quả tốt, mang lại sự hài lòng cho người dân và doanh nghiệp khi đến giải quyết công việc (01 Máy lấy số xếp hàng tự động kết nối hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính; 01 LED hiển thị số xếp hàng tại quầy; 01 Hệ thống âm thanh gọi số xếp hàng; 01 Màn hình cảm ứng phục vụ tổ chức, cá nhân tra cứu thông tin, TTHC, tra cứu kết quả giải quyết TTHC, đánh giá hài lòng; 01 máy photocopy; 03 máy Scan A4; 01 Máy Scan- A3; 06 Máy in; 05 Máy tính kết nối mạng; 01 Máy tính có kết nối mạng dành cho tổ chức, cá nhân; 04 Camera theo dõi toàn bộ khu vực làm việc...).

- 100% cán bộ, công chức sử dụng hộp thư điện tử, phần mềm quản lý văn bản; 100% văn bản được phê duyệt, ký số; Hệ thống này, giúp giảm đáng kể thời gian luân chuyển và chi phí in ấn. Kết nối cổng dịch vụ công Quốc gia và hệ thống thông tin tỉnh: 100% thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền của xã đã được số hóa và tích hợp lên cổng dịch vụ công Quốc gia, tạo thuận lợi cho người dân tra cứu và giải quyết thủ tục hành chính.

- Tỷ lệ hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính được số hóa đạt 100%.

- Tỷ lệ cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên tổng số thủ tục hành chính có đủ điều kiện 100%.

- Tỷ lệ thông tin, giấy tờ, tài liệu trong các thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh chỉ cung cấp một lần cho cơ quan hành chính nhà nước 100%.

- Tỷ lệ sử dụng dịch vụ công trực tuyến của người dân và doanh nghiệp đạt 100%.

- Tỷ lệ TTHC có giao dịch thanh toán trực tuyến 100%.

- Chỉ tiêu công khai minh bạch 18/18 điểm, xếp thứ 16/166.

b) Tự nhận xét, đánh giá

- Ưu điểm: Việc giải quyết thủ tục hành chính được thực hiện theo đúng quy định, không để hồ sơ tồn đọng; nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp.

- Tồn tại, hạn chế, khó khăn, vướng mắc: Một bộ phận người dân chưa quen sử dụng dịch vụ công trực tuyến; một số phần mềm chuyên ngành còn phát sinh lỗi kỹ thuật trong quá trình sử dụng.

- *Nguyên nhân*: Kỹ năng số của người dân chưa đồng đều; công tác tuyên truyền, hướng dẫn sử dụng dịch vụ công trực tuyến ở một số nơi chưa thường xuyên; hạ tầng kỹ thuật còn hạn chế.

- *Giải pháp khắc phục*: Tăng cường tuyên truyền, hướng dẫn người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến; tiếp tục đơn giản hóa thủ tục hành chính; nâng cấp hệ thống phần mềm và hạ tầng kỹ thuật phục vụ giải quyết thủ tục hành chính.

- *Trách nhiệm về những tồn tại, hạn chế*:

Trách nhiệm thuộc các cơ quan chuyên môn, đơn vị trực tiếp giải quyết thủ tục hành chính và người đứng đầu trong công tác tổ chức triển khai thực hiện.

4.1.4. Ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong điều hành và thực thi công vụ

a) Tình hình kết quả thực hiện

UBND xã ban hành Công văn số 769/UBND-VHXXH ngày 17/4/2026 phối hợp với Sở KHCCN Thanh Hóa) triển khai đào tạo chuyên đề Ứng dụng AI và ChatGPT trên nền tảng Bình dân học vụ số, trong một số hoạt động quản lý, điều hành và hỗ trợ thực thi công vụ như: hỗ trợ tra cứu văn bản, tổng hợp báo cáo, phân tích dữ liệu, hỗ trợ giải đáp thủ tục hành chính và nâng cao hiệu quả xử lý công việc chuyên môn. Một số phòng, đơn vị đã chủ động nghiên cứu, ứng dụng các công cụ AI trong xử lý văn bản, quản lý hồ sơ, hỗ trợ công tác chuyên môn và nâng cao năng suất lao động: như Chat GPT, NotebookLM, Gemini Gamma (Xây dựng và thuyết trình slide powerpoint)....

b) Tự nhận xét, đánh giá:

- *Ưu điểm*: Việc tiếp cận và ứng dụng AI bước đầu tạo chuyển biến tích cực trong đổi mới phương thức làm việc, nâng cao hiệu quả xử lý công việc và hỗ trợ cải cách hành chính.

- *Tồn tại, hạn chế, khó khăn, vướng mắc*: Việc ứng dụng AI còn ở quy mô nhỏ, chưa đồng bộ; thiếu nguồn nhân lực có chuyên môn sâu về AI; hạ tầng dữ liệu phục vụ AI chưa hoàn thiện.

- *Nguyên nhân*: Nguồn lực đầu tư còn hạn chế; cán bộ, công chức chưa được đào tạo chuyên sâu về AI; chưa có nhiều mô hình ứng dụng AI phù hợp với điều kiện thực tiễn địa phương.

- *Giải pháp khắc phục*: Tăng cường đào tạo kỹ năng ứng dụng AI cho cán bộ, công chức; tiếp tục nghiên cứu, triển khai các mô hình AI phù hợp trong quản lý nhà nước và cải cách hành chính.

- Trách nhiệm về những tồn tại, hạn chế: Trách nhiệm thuộc các cơ quan, đơn vị trong công tác nghiên cứu, tham mưu, triển khai ứng dụng AI và bố trí nguồn lực phục vụ chuyển đổi số.

4.2. Về kinh tế số

a) Kết quả thực hiện

Doanh nghiệp sử dụng nền tảng số: Trên địa bàn xã hiện có 111 doanh nghiệp nhỏ và vừa đang hoạt động. Xã Vĩnh Lộc đã triển khai đến các doanh nghiệp trên địa bàn tham gia sử dụng hợp đồng điện tử. Phối hợp với Hiệp Hội doanh nghiệp trên địa bàn triển khai đến các doanh nghiệp, thành viên trong Hiệp hội để phổ biến, hướng dẫn và vận động các doanh nghiệp trên địa bàn quản lý tự đánh giá mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp tại Cổng thông tin điện tử: <https://dbi.gov.vn> theo Quyết định 2158/QĐ-BTTTT của Bộ Thông tin và Truyền thông, công văn số 3074/STTTT CNTT ngày 05/12/2023 của Sở Thông tin và Truyền thông.

Vận động các cơ sở, doanh nghiệp, các tổ chức, cá nhân tham gia Sàn thương mại điện tử của tỉnh, các Sàn thương mại điện tử uy tín trong và ngoài nước (buudien.vn và shopee.vn...). Trên địa bàn xã đã có trên 10 tổ chức, cá nhân, hợp tác xã và hộ sản xuất với 7 sản phẩm các loại được hướng dẫn đưa sản phẩm lên các sàn thương mại điện tử và trang Website để giao dịch, cụ thể:

+ Trên sàn nongsanantoanthanhhoa.vn: Có 5 sản phẩm đăng tin cung cầu; (Kẹo lạc, vùng Hà Ly, Nước rửa chén Hương Núi Vân, Rượu sâm báo An Tâm, Chè lam Phủ Quảng Cương Xuân, Chè lam Phủ Quảng Lâm Thu).

+ Trên sàn buudien.vn: Có 01 sản phẩm; (Kẹo lạc Phủ Quảng)

+ Trên sàn shopee.vn: Có 01 sản phẩm; (Nước rửa chén Hương Núi Vân)

+ Trên Website: Có 07 sản phẩm giới thiệu trên trang Web của cơ sở. (Kẹo lạc, vùng Hà Ly, Nước rửa chén Hương Núi Vân, Rượu sâm báo An Tâm, Chè lam Phủ Quảng Cương Xuân, Chè lam Phủ Quảng Lâm Thu, Trà túi lọc Kim Ngân Hoa Đức Nguyên, Nem nướng Phương Bưởi).

Ngoài ra, các doanh nghiệp trên địa bàn xã đã tích cực triển khai thực hiện ứng dụng các nền tảng số trong hoạt động sản xuất, kinh doanh như nền tảng hóa đơn điện tử, nền tảng quản trị doanh nghiệp, nền tảng bán hàng trực tuyến... qua đó, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất, kinh doanh, nâng cao sức cạnh tranh và năng suất lao động.

Tỉ lệ người lao động trong các doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hợp tác xã có kiến thức cơ bản về công nghệ số, có kỹ năng số, sử dụng được thiết bị thông minh

để phục vụ sản xuất, kinh doanh, nâng cao năng suất lao động là 625/771 người 81% (Hợp tác xã DVNN Vĩnh Phúc, HTX DVNN xã Vĩnh Hưng).

Kết quả đạt được:

+ 111/111 doanh nghiệp sử dụng nền tảng số trong doanh nghiệp, 30/111 doanh nghiệp, hộ kinh doanh ứng dụng trên các sàn giao dịch điện tử để quảng bá, giao dịch sản phẩm.

+ 3 doanh nghiệp triển khai sử dụng hợp đồng điện tử.

+ 111/111 doanh nghiệp có tài khoản ngân hàng và áp dụng phương thức thanh toán không dùng tiền mặt; thực hiện khai báo thuế và BHXH điện tử (đạt 100%).

+ 100% khu vực sản xuất kinh doanh được kết nối Internet cáp quang, phủ sóng 4G ổn định, đáp ứng tốt yêu cầu chuyển đổi số.

+ Thanh toán số: 100% cán bộ, công chức, viên chức trong xã sử dụng tài khoản ngân hàng cá nhân để nhận lương, phụ cấp và thanh toán điện tử.

+ Các khoản thu, chi phí hành chính, như lệ phí chứng thực, hồ sơ đất đai, dịch vụ công đều được triển khai qua tài khoản ngân hàng hoặc mã QR của Kho bạc Nhà nước.

+ 100% hộ kinh doanh, cửa hàng tạp hóa, dịch vụ ăn uống, trạm y tế, trường học đã chấp nhận thanh toán qua mã QR, ví điện tử hoặc chuyển khoản ngân hàng.

+ Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi trở lên có tài khoản giao dịch thanh toán tại ngân hàng hoặc tổ chức được phép khác 26725/30795 (Agribank, BIDV, liên Việt, Viettinbank...) đạt 86,7%.

b) Tự nhận xét, đánh giá:

- *Ưu điểm:* Nhận thức của doanh nghiệp và người dân về kinh tế số ngày càng được nâng lên; hoạt động thương mại điện tử và thanh toán số từng bước phát triển

- *Tồn tại, hạn chế, khó khăn, vướng mắc:* Quy mô kinh tế số còn nhỏ; nhiều doanh nghiệp nhỏ và hộ kinh doanh chưa mạnh dạn đầu tư ứng dụng công nghệ số; nguồn nhân lực số còn hạn chế.

- *Nguyên nhân:* Khả năng tiếp cận công nghệ của doanh nghiệp còn khó khăn; chi phí đầu tư chuyển đổi số còn cao; kỹ năng số của người lao động chưa đồng đều

- *Giải pháp khắc phục:* Tiếp tục hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số; đẩy mạnh đào tạo kỹ năng số; khuyến khích phát triển thương mại điện tử, thanh toán số và các mô hình kinh doanh trên nền tảng số.

- *Trách nhiệm về những tồn tại, hạn chế:* Trách nhiệm thuộc các cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức hỗ trợ doanh nghiệp và các doanh nghiệp trong việc chủ động triển khai chuyển đổi số.

4.3. Xã hội số

a) Tình hình, kết quả thực hiện

UBND xã đã tăng cường tuyên truyền, phổ biến kỹ năng số cho người dân; triển khai nhiều hoạt động hỗ trợ người dân tiếp cận và sử dụng các nền tảng số, dịch vụ số trong học tập, lao động, sản xuất và đời sống.

Việc sử dụng thanh toán không dùng tiền mặt, nền tảng học tập trực tuyến, khám chữa bệnh từ xa, ứng dụng số trong giáo dục, y tế và an sinh xã hội từng bước được mở rộng. 40 Tổ công nghệ số cộng đồng tiếp tục phát huy vai trò trong hỗ trợ người dân sử dụng dịch vụ số.

Trung tâm y tế Vĩnh Lộc đã ứng dụng công nghệ số trong quản lý y tế, đã đồng bộ dữ liệu hồ sơ sức khỏe điện tử 29387/36180 đạt 81%. Tỷ lệ dân số trưởng thành dùng dịch vụ tư vấn sức khỏe trực tuyến, khám chữa bệnh từ xa đạt 7109/26236 đạt 27,09%.

Trên lĩnh vực giáo dục và đào tạo: 100% cán bộ, giáo viên được phổ biến nội dung Quyết định 411 và kế hoạch chuyển đổi số ngành giáo dục. Tỷ lệ học sinh trung học được trang bị kiến thức, kỹ năng số để phục vụ học tập, nghiên cứu và sáng tạo, có kỹ năng an toàn trong học tập và tương tác xã hội trong môi trường số đạt 83%. Một số cơ sở giáo dục trên địa bàn làm tốt phổ cập kỹ năng số cho học sinh: THCS Tây Đô, THCS Vĩnh Thành, TH Vĩnh Thành, TH Vĩnh Lộc, THCS Vĩnh Phúc,... 100% trường học trong xã triển khai sở liên lạc điện tử, sổ điểm điện tử; 100% các trường tiểu học thực hiện học bạ số; 100% các sử dụng hệ thống cơ sở dữ liệu ngành giáo dục do Bộ GDĐT cung cấp....100% trường học trên địa bàn sử dụng phần mềm quản lý trường học trực tuyến (SMAS, vnEdu), nền tảng học trực tuyến (LMS, Zoom, Google Classroom...); bài giảng e-learning, AI hỗ trợ học tập cá nhân. 100% giáo viên đã soạn giảng điện tử, kết hợp trình chiếu trực tuyến. 100% trường học có kết nối Internet cáp quang, đảm bảo tốc độ tối thiểu 50Mbps. Từng bước triển khai cơ sở dữ liệu giáo dục dùng chung, liên thông với cơ sở dữ liệu dân cư của xã.

Trên lĩnh vực Lao động việc làm và an sinh xã hội: Toàn xã hiện đang chi trả qua tài khoản cho 877/3100 đối tượng hưởng chế độ bảo trợ xã hội đạt 28,29%; 276/739 đối tượng hưởng trợ cấp người có công đạt 37,34%. Việc thanh toán qua tài khoản giúp tiết kiệm chi phí, giảm thời gian đi lại cho người thụ hưởng. Đồng thời, hỗ trợ đúng đối tượng, kịp thời, tiện lợi và về lâu dài giúp họ tiếp cận với các dịch vụ tài chính tốt hơn, công bằng, minh bạch hơn.

b) Tự nhận xét, đánh giá:

- *Ưu điểm:* Nhận thức của người dân về chuyển đổi số và xã hội số từng bước được nâng lên; nhiều dịch vụ số thiết yếu được người dân tiếp cận và sử dụng ngày càng phổ biến.

- *Tồn tại, hạn chế, khó khăn, vướng mắc:* Kỹ năng số của một bộ phận người dân, nhất là người cao tuổi và người dân ở khu vực nông thôn còn hạn chế; tỷ lệ sử dụng dịch vụ số chưa đồng đều giữa các địa bàn.

- *Nguyên nhân:* Điều kiện tiếp cận công nghệ của người dân còn khác nhau; công tác hướng dẫn, hỗ trợ kỹ năng số ở một số nơi chưa thường xuyên.

- *Giải pháp khắc phục:* Tiếp tục phát huy hiệu quả hoạt động của các tổ công nghệ số cộng đồng; đẩy mạnh tuyên truyền, phổ cập kỹ năng số; hỗ trợ người dân tiếp cận các nền tảng số an toàn, hiệu quả.

- *Trách nhiệm về những tồn tại, hạn chế:* Trách nhiệm thuộc các cấp, các ngành, các cơ quan, đơn vị trong công tác tuyên truyền, hướng dẫn và tổ chức triển khai các nhiệm vụ phát triển xã hội số trên địa bàn.

5. Về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

5.1. Tình hình, kết quả thực hiện:

Cấp ủy, chính quyền địa phương đã tập trung triển khai thực hiện các nhiệm vụ về phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo tinh thần Nghị quyết số 57-NQ/TW của Bộ Chính trị và các chương trình, kế hoạch của Trung ương, của tỉnh. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo từng bước được tăng cường; nhận thức của cán bộ, đảng viên, doanh nghiệp và Nhân dân về vai trò của khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo trong phát triển kinh tế - xã hội ngày càng được nâng lên.

Các cơ quan, đơn vị đã đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ trong công tác quản lý nhà nước, cải cách hành chính, chuyển đổi số, sản xuất và đời sống. Nhiều mô hình ứng dụng công nghệ thông tin, phần mềm quản lý văn bản, số hóa hồ sơ, dữ liệu chuyên ngành được triển khai, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của cơ quan nhà nước và chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp.

Trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh, địa phương khuyến khích doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ sản xuất ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, đổi mới công nghệ, tự động hóa, thương mại điện tử và các nền tảng số nhằm nâng cao năng suất lao động, chất lượng sản phẩm và năng lực cạnh tranh. Một số mô hình sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, truy xuất nguồn gốc, chuyển đổi số trong tiêu thụ sản phẩm từng bước được triển khai và mang lại hiệu quả tích cực.

Hoạt động đổi mới sáng tạo từng bước được quan tâm thông qua việc khuyến khích cán bộ, công chức, viên chức nghiên cứu, đề xuất sáng kiến cải tiến quy trình làm việc, ứng dụng công nghệ trong quản lý, điều hành và giải quyết thủ tục hành chính. Các phong trào thi đua lao động sáng tạo, cải tiến kỹ thuật được triển khai gắn với nhiệm vụ chuyên môn tại cơ quan, đơn vị.

UBND xã quan tâm công tác đào tạo, bồi dưỡng kiến thức khoa học công nghệ, kỹ năng số và đổi mới sáng tạo cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; tăng cường tuyên truyền, phổ biến kiến thức khoa học công nghệ đến người dân và doanh nghiệp nhằm thúc đẩy chuyển đổi số và phát triển kinh tế số.

Bên cạnh đó, công tác phối hợp với các sở, ngành, cơ quan chuyên môn trong triển khai nhiệm vụ khoa học công nghệ tiếp tục được tăng cường; từng bước hình thành môi trường thuận lợi cho nghiên cứu, ứng dụng và đổi mới sáng tạo tại địa phương.

5.2. Tự nhận xét, đánh giá:

a) Ưu điểm: Cấp ủy, chính quyền địa phương đã quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo công tác phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; nhiều nhiệm vụ được triển khai đồng bộ, gắn với yêu cầu cải cách hành chính, chuyển đổi số và phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Nhận thức của cán bộ, công chức, doanh nghiệp và người dân về vai trò của khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo ngày càng được nâng lên; việc ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số trong hoạt động quản lý nhà nước và sản xuất, kinh doanh từng bước mang lại hiệu quả tích cực.

Một số mô hình ứng dụng công nghệ cao, chuyển đổi số trong quản lý, sản xuất và cung cấp dịch vụ được triển khai phù hợp với điều kiện thực tiễn; công tác phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị trong triển khai nhiệm vụ từng bước được cải thiện.

b) Tồn tại, hạn chế, khó khăn, vướng mắc:

Hoạt động khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo tại địa phương chưa thật sự đồng đều; quy mô ứng dụng khoa học công nghệ còn nhỏ, chưa tạo được nhiều mô hình có tính đột phá và sức lan tỏa lớn.

Nguồn lực đầu tư cho khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo còn hạn chế; cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ nghiên cứu, ứng dụng công nghệ tại một số đơn vị chưa đáp ứng yêu cầu thực tiễn.

Nguồn nhân lực chất lượng cao, nhất là nhân lực có chuyên môn sâu về công nghệ thông tin, chuyển đổi số, trí tuệ nhân tạo và đổi mới sáng tạo còn thiếu; kỹ

năng ứng dụng công nghệ của một bộ phận cán bộ, người lao động và doanh nghiệp còn hạn chế.

Việc liên kết giữa cơ quan quản lý nhà nước, doanh nghiệp và các tổ chức khoa học công nghệ chưa thật sự chặt chẽ; hoạt động nghiên cứu, ứng dụng và thương mại hóa các sản phẩm khoa học công nghệ còn gặp nhiều khó khăn.

Một số doanh nghiệp nhỏ, hợp tác xã và hộ kinh doanh còn tâm lý e ngại trong đầu tư đổi mới công nghệ do thiếu nguồn lực tài chính, thiếu nhân lực kỹ thuật và chưa mạnh dạn thay đổi phương thức sản xuất, kinh doanh truyền thống.

c) Nguyên nhân:

Do điều kiện kinh tế của địa phương còn khó khăn; nguồn lực đầu tư cho khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo còn hạn chế; tốc độ phát triển công nghệ nhanh trong khi khả năng tiếp cận, thích ứng của địa phương còn chậm.

Công tác tham mưu, đề xuất nhiệm vụ khoa học công nghệ ở một số cơ quan, đơn vị chưa thật sự chủ động; việc phối hợp triển khai giữa các ngành, lĩnh vực có lúc chưa chặt chẽ; nhận thức và kỹ năng ứng dụng công nghệ của một bộ phận cán bộ, doanh nghiệp và người dân chưa đáp ứng yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới.

d) Giải pháp khắc phục:

Tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền đối với công tác phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; đưa nhiệm vụ khoa học công nghệ gắn chặt với phát triển kinh tế - xã hội và chuyển đổi số của địa phương.

Đẩy mạnh ứng dụng khoa học công nghệ, công nghệ số và đổi mới sáng tạo trong quản lý nhà nước, sản xuất, kinh doanh và đời sống; khuyến khích doanh nghiệp đầu tư đổi mới công nghệ, nâng cao năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh của sản phẩm.

Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực khoa học công nghệ, kỹ năng số và đổi mới sáng tạo cho cán bộ, công chức, viên chức, doanh nghiệp và người lao động; phát huy vai trò của các tổ công nghệ số cộng đồng trong hỗ trợ người dân tiếp cận công nghệ.

Tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách hỗ trợ hoạt động nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ; tăng cường liên kết, phối hợp giữa cơ quan quản lý nhà nước, doanh nghiệp và các tổ chức khoa học công nghệ nhằm thúc đẩy đổi mới sáng tạo và chuyển giao công nghệ.

Đẩy mạnh công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá hiệu quả thực hiện các nhiệm vụ khoa học công nghệ; kịp thời biểu dương, nhân rộng các mô hình hiệu quả, sáng kiến tiêu biểu trong thực tiễn.

đ) Trách nhiệm về những tồn tại, hạn chế:

Những tồn tại, hạn chế nêu trên trước hết thuộc trách nhiệm của cấp ủy, chính quyền, người đứng đầu các cơ quan, đơn vị trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện nhiệm vụ phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

Một số cơ quan, đơn vị chưa thật sự chủ động trong tham mưu, đề xuất nhiệm vụ; việc phối hợp triển khai có lúc chưa đồng bộ; công tác kiểm tra, đôn đốc, đánh giá kết quả thực hiện chưa thường xuyên và quyết liệt.

Trong thời gian tới, địa phương sẽ tiếp tục nâng cao trách nhiệm người đứng đầu; tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính; phát huy tinh thần chủ động, sáng tạo của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức nhằm khắc phục những tồn tại, hạn chế, nâng cao hiệu quả phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên địa bàn.

6. Về nguồn nhân lực về KHCN, ĐMST, CDS

6.1. Tình hình, kết quả thực hiện

UBND xã Vĩnh Lộc đã ban hành Công văn số 08/UBND-VHXH ngày 03/7/2025 cung cấp thông tin đầu mối phụ trách Công nghệ thông tin và Chuyển đổi số, phụ trách Hạ tầng Công nghệ thông tin tại UBND xã và rà soát, đăng ký mã EMC mới cho Cổng/Trang thông tin điện tử. Công khai số điện thoại lãnh đạo, cán bộ có trách nhiệm giải quyết những vướng mắc trong quá trình tiếp nhận, giải quyết TTHC cho người dân.

Thành lập 40 tổ công nghệ số cộng đồng tại các thôn với 141 thành viên.

Tại 19 trường học trên địa bàn xã Vĩnh Lộc đều có cán bộ làm bán chuyên trách về công tác chuyển đổi số.

Tất cả cán bộ, công chức được trang bị máy tính (01 máy tính và 01 máy in/01 cán bộ công chức đạt 100%), đảm bảo cho công tác chuyên môn, tham mưu văn bản điện tử và tiếp nhận, giải quyết dịch vụ công trực tuyến trên môi trường mạng; được cài đặt phần mềm diệt virus bản quyền BKAV. 100% cán bộ công chức làm việc trên môi trường mạng.

6.2. Tự nhận xét, đánh giá:

a) Ưu điểm:

Cấp ủy, chính quyền địa phương đã quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo công tác phát triển nguồn nhân lực phục vụ KHCN, ĐMST và CDS; công tác đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng số cho cán bộ, công chức, viên chức từng bước được triển khai đồng bộ.

Nhận thức của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và người dân về vai trò của chuyển đổi số ngày càng được nâng cao; tinh thần chủ động học tập, ứng dụng công nghệ thông tin trong xử lý công việc và phục vụ người dân có nhiều chuyển biến tích cực.

Hoạt động của các tổ công nghệ số cộng đồng tiếp tục phát huy hiệu quả; nhiều cán bộ trẻ, đoàn viên thanh niên tích cực tham gia hỗ trợ người dân tiếp cận công nghệ số và sử dụng dịch vụ số trong đời sống.

b) Tồn tại, hạn chế, khó khăn, vướng mắc:

Nguồn nhân lực có trình độ chuyên sâu về công nghệ thông tin, chuyển đổi số, trí tuệ nhân tạo và an toàn thông tin mạng còn thiếu, đặc biệt tại cấp cơ sở. Một số cán bộ, công chức còn hạn chế về kỹ năng số, khả năng ứng dụng công nghệ trong thực thi công vụ chưa đồng đều.

Công tác đào tạo, bồi dưỡng ở một số nơi còn mang tính ngắn hạn, chưa chuyên sâu; việc cập nhật kiến thức mới về công nghệ số chưa thường xuyên. Nguồn lực đầu tư cho đào tạo, phát triển nguồn nhân lực phục vụ chuyển đổi số còn hạn chế.

Một bộ phận người dân, nhất là người cao tuổi, người dân ở khu vực nông thôn còn gặp khó khăn trong tiếp cận và sử dụng nền tảng số, dịch vụ số; kỹ năng số cộng đồng chưa đồng đều giữa các địa bàn.

Việc thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao trong lĩnh vực KHCN, ĐMST và CDS về làm việc tại địa phương còn gặp nhiều khó khăn do chế độ đãi ngộ và điều kiện làm việc còn hạn chế.

c) Nguyên nhân:

Yêu cầu chuyển đổi số diễn ra nhanh, trong khi điều kiện kinh tế và nguồn lực đầu tư của địa phương còn khó khăn; thị trường nhân lực công nghệ thông tin cạnh tranh cao nên khó thu hút nhân lực chất lượng cao về công tác tại cơ sở.

Công tác tham mưu, xây dựng kế hoạch đào tạo nguồn nhân lực ở một số cơ quan, đơn vị chưa thật sự bài bản; việc tự học tập, nghiên cứu nâng cao trình độ công nghệ của một bộ phận cán bộ còn hạn chế; công tác phối hợp trong đào tạo, bồi dưỡng chưa đồng bộ.

d) Giải pháp khắc phục:

Tiếp tục tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng số, kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin, chuyên đổi số và an toàn thông tin mạng cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức phù hợp với từng vị trí việc làm và yêu cầu nhiệm vụ.

Đẩy mạnh đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao về KHCN, ĐMST và CDS; tăng cường phối hợp với các cơ sở đào tạo, doanh nghiệp công nghệ trong tổ chức tập huấn, chuyển giao công nghệ và cập nhật kiến thức mới.

Quan tâm xây dựng cơ chế khuyến khích, thu hút nguồn nhân lực công nghệ thông tin, chuyên đổi số và đổi mới sáng tạo; tạo môi trường làm việc thuận lợi, từng bước nâng cao chất lượng nguồn nhân lực phục vụ phát triển chính quyền số, kinh tế số và xã hội số.

Tiếp tục phát huy vai trò của tổ công nghệ số cộng đồng; tăng cường tuyên truyền, phổ cập kỹ năng số cho người dân; hỗ trợ người dân tiếp cận, sử dụng các nền tảng số và dịch vụ số an toàn, hiệu quả.

Tăng cường công tác kiểm tra, đánh giá chất lượng đào tạo, bồi dưỡng; gắn kết quả ứng dụng công nghệ, chuyên đổi số với đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của cán bộ, công chức, viên chức và người đứng đầu cơ quan, đơn vị.

đ) Trách nhiệm về những tồn tại, hạn chế:

Những tồn tại, hạn chế nêu trên trước hết thuộc trách nhiệm của cấp ủy, chính quyền, người đứng đầu các cơ quan, đơn vị trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, bố trí nguồn lực và tổ chức triển khai phát triển nguồn nhân lực phục vụ KHCN, ĐMST và CDS.

Một số cơ quan, đơn vị chưa thật sự chủ động trong công tác đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; việc kiểm tra, đôn đốc, đánh giá kết quả thực hiện chưa thường xuyên; công tác phối hợp giữa các đơn vị trong triển khai nhiệm vụ có lúc chưa chặt chẽ.

7. Về an ninh, an toàn thông tin và bảo vệ thông tin bí mật nhà nước

7.1. Tình hình kết quả thực hiện

Sau khi sáp nhập chính quyền địa phương 2 cấp. UBND xã Vĩnh Lộc đã phối hợp với đơn vị (VNPT) Viễn Thông Vĩnh Lộc tiến hành kiểm tra và lắp đặt mới hệ thống an toàn thông tin theo đúng yêu cầu của sở Khoa học và Công nghệ đảm bảo đầy đủ trang thiết bị máy móc phục vụ cho các hội nghị trực tuyến cũng như trực tiếp.

UBND xã Vĩnh Lộc đã ban hành quyết định số 802/QĐ- UBND ngày 25/8/2025 về quy chế bảo đảm an toàn, an ninh thông tin cho hệ thống thông tin của UBND xã Vĩnh Lộc và Quyết định số 704/QĐ-UBND ngày 25/8/2025 về việc Thành

lập Tổ ứng cứu sự cố An toàn thông tin tại UBND xã Vĩnh Lộc. Đã hoàn thành hồ sơ cấp độ an toàn thông tin mức độ 2 đề xuất công an Tỉnh phê duyệt.

Ban hành Kế hoạch số 90/KH-UBND ngày 22/10/2025 về tập huấn công tác chuyển đổi số cho đội ngũ cán bộ công chức, viên chức và tổ trưởng tổ công nghệ số cộng đồng. Thường xuyên tổ chức tuyên truyền, nâng cao nhận thức và phổ biến kiến thức, kỹ năng bảo đảm an toàn thông tin cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và người dân qua các nền tảng số facebook, zalo và đài truyền thanh xã. 100% cán bộ, công chức, người dân được phổ biến kiến thức an toàn thông tin cơ bản.

7.2. Tự nhận xét, đánh giá:

a) Ưu điểm:

Cấp ủy, chính quyền địa phương đã quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo công tác bảo đảm an ninh, an toàn thông tin và bảo vệ bí mật nhà nước; nhận thức của cán bộ, công chức, viên chức về an toàn thông tin mạng từng bước được nâng lên.

Các cơ quan, đơn vị cơ bản chấp hành nghiêm các quy định về bảo vệ bí mật nhà nước, sử dụng hệ thống thông tin và quản lý dữ liệu điện tử; việc ứng dụng chữ ký số, văn bản điện tử và thư điện tử công vụ ngày càng nền nếp, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý, điều hành.

Công tác phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị trong bảo đảm an toàn thông tin mạng và xử lý các nguy cơ mất an toàn thông tin từng bước được tăng cường; chưa để xảy ra vụ việc nghiêm trọng gây ảnh hưởng lớn đến hoạt động của cơ quan, đơn vị trên địa bàn.

b) Tồn tại, hạn chế, khó khăn, vướng mắc:

Hạ tầng bảo đảm an toàn thông tin tại một số đơn vị còn hạn chế; trang thiết bị công nghệ thông tin chưa đồng bộ; một số hệ thống phần mềm chưa được nâng cấp thường xuyên nên tiềm ẩn nguy cơ mất an toàn thông tin.

Nguồn nhân lực chuyên trách về an toàn thông tin mạng còn thiếu; kỹ năng nhận diện, phòng ngừa rủi ro an ninh mạng của một bộ phận cán bộ, công chức chưa cao. Một số cán bộ còn chủ quan trong sử dụng thiết bị công nghệ thông tin, thư điện tử và mạng xã hội.

Việc kiểm tra, đánh giá an toàn thông tin ở một số đơn vị chưa được thực hiện thường xuyên; công tác sao lưu dữ liệu, quản lý tài khoản và phân quyền truy cập tại một số hệ thống còn hạn chế.

Nguy cơ tấn công mạng, lừa đảo trực tuyến, đánh cắp dữ liệu và phát tán thông tin xấu độc trên không gian mạng ngày càng phức tạp, trong khi khả năng phòng ngừa, ứng phó tại cơ sở còn gặp nhiều khó khăn.

c) Nguyên nhân:

Tốc độ phát triển công nghệ thông tin và các nguy cơ mất an toàn an ninh mạng ngày càng nhanh, phức tạp; nguồn lực đầu tư cho hạ tầng và giải pháp bảo mật của địa phương còn hạn chế.

Công tác tham mưu, triển khai các giải pháp bảo đảm an toàn thông tin ở một số cơ quan, đơn vị chưa thật sự chủ động; việc tự nghiên cứu, cập nhật kiến thức về an ninh mạng của một bộ phận cán bộ còn hạn chế; công tác kiểm tra, giám sát có lúc chưa thường xuyên.

d) Giải pháp khắc phục:

Tiếp tục tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền đối với công tác bảo đảm an ninh mạng, an toàn thông tin và bảo vệ bí mật nhà nước; nâng cao trách nhiệm người đứng đầu trong quản lý, sử dụng hệ thống thông tin và dữ liệu điện tử.

Rà soát, nâng cấp hạ tầng kỹ thuật, phần mềm bảo mật, hệ thống sao lưu dữ liệu; tăng cường các giải pháp bảo đảm an toàn thông tin mạng, phòng chống mã độc, tấn công mạng và rò rỉ dữ liệu.

Đẩy mạnh công tác đào tạo, tập huấn, nâng cao kỹ năng bảo đảm an toàn thông tin cho cán bộ, công chức, viên chức; tăng cường tuyên truyền, phổ biến quy định về bảo vệ bí mật nhà nước và kỹ năng sử dụng mạng an toàn.

Tăng cường công tác kiểm tra, đánh giá, giám sát an toàn thông tin mạng; kịp thời phát hiện, xử lý các nguy cơ mất an toàn thông tin và các hành vi vi phạm quy định về bảo vệ bí mật nhà nước.

Phát huy vai trò phối hợp giữa các cơ quan chuyên môn, lực lượng chức năng và các đơn vị liên quan trong công tác bảo đảm an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu và an toàn thông tin trên địa bàn.

đ) Trách nhiệm về những tồn tại, hạn chế:

Những tồn tại, hạn chế nêu trên trước hết thuộc trách nhiệm của cấp ủy, chính quyền, người đứng đầu các cơ quan, đơn vị trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bảo đảm an ninh, an toàn thông tin và bảo vệ bí mật nhà nước.

Một số cơ quan, đơn vị chưa thật sự chủ động trong công tác rà soát, nâng cấp hạ tầng bảo mật; việc kiểm tra, giám sát, hướng dẫn cán bộ thực hiện các quy

định về an toàn thông tin chưa thường xuyên; công tác phối hợp xử lý nguy cơ mất an toàn thông tin có lúc chưa kịp thời.

8. Về tài chính, kinh phí cho KHCN, ĐMST, CDS

8.1. Tình hình, kết quả thực hiện

Năm 2025, UBND xã đã bố trí cho KHCN, ĐMST, CDS là 1,014.000.000 đồng (Mua các phần mềm ứng dụng CNTT trong thực hiện nhiệm vụ chuyên môn, Sửa chữa, cải tạo hệ thống mạng internet, mạng Lan và trang thiết bị CNTT trụ sở UBND xã, Mua sắm cơ sở vật chất cho Trung tâm phục vụ hành chính công xã Vĩnh Lộc; Sửa chữa, cải tạo hệ thống mạng internet, mạng Lan và trang thiết bị CNTT trụ sở UBND xã Vĩnh Lộc.

Năm 2026, UBND xã đã bố trí ngân sách cho KHCN, ĐMST, CDS 370.000.000đ. Hiện tại đã chi trả cho kênh truyền hình hội nghị trực tuyến và duy trì công thông tin điện tử 30.000.000 đồng.

8.2. Tự nhận xét, đánh giá:

a) Ưu điểm:

Cấp ủy, chính quyền địa phương đã quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo bố trí kinh phí phục vụ triển khai các nhiệm vụ về KHCN, ĐMST và CDS; việc quản lý, sử dụng kinh phí cơ bản bảo đảm đúng quy định, đúng mục tiêu và phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

Nguồn kinh phí từng bước được ưu tiên cho các nhiệm vụ trọng tâm như đầu tư hạ tầng số, nâng cấp hệ thống thông tin, cải cách hành chính, số hóa dữ liệu và đào tạo kỹ năng số cho cán bộ, công chức, viên chức.

Việc lồng ghép các nguồn lực từ các chương trình, đề án liên quan đã góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng ngân sách, hạn chế đầu tư chồng chéo, dàn trải.

b) Tồn tại, hạn chế, khó khăn, vướng mắc:

Nguồn kinh phí bố trí cho KHCN, ĐMST và CDS còn hạn chế, chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu triển khai đồng bộ các nhiệm vụ theo yêu cầu thực tiễn; nhất là nhu cầu đầu tư hạ tầng số, trang thiết bị công nghệ thông tin và bảo đảm an toàn thông tin mạng.

Một số cơ quan, đơn vị còn gặp khó khăn trong việc xây dựng dự toán, xác định nhu cầu kinh phí và triển khai thực hiện các nhiệm vụ chuyên sâu về chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo. Việc huy động nguồn lực xã hội hóa cho phát triển KHCN và CDS còn hạn chế.

Cơ chế, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư đổi mới công nghệ, ứng dụng khoa học công nghệ và chuyển đổi số chưa thật sự mạnh; khả năng cân đối ngân sách địa phương còn khó khăn nên việc đầu tư cho các nhiệm vụ dài hạn còn gặp nhiều áp lực.

Một số nhiệm vụ triển khai còn mang tính nhỏ lẻ, phân tán; hiệu quả khai thác, sử dụng một số trang thiết bị công nghệ thông tin chưa thật sự đồng bộ, chưa phát huy tối đa hiệu quả đầu tư.

c) Nguyên nhân:

Nguyên nhân khách quan là do nguồn thu ngân sách địa phương còn hạn chế; nhu cầu đầu tư cho KHCN, ĐMST và CDS ngày càng lớn trong khi khả năng cân đối nguồn lực còn khó khăn. Giá thành đầu tư hạ tầng số, phần mềm và công nghệ mới còn cao.

Nguyên nhân chủ quan là công tác tham mưu xây dựng kế hoạch tài chính, dự toán kinh phí cho KHCN, ĐMST và CDS ở một số cơ quan, đơn vị chưa thật sự chủ động; việc phối hợp trong huy động, lồng ghép nguồn lực có lúc chưa đồng bộ; công tác đánh giá hiệu quả đầu tư ở một số nội dung chưa thường xuyên.

d) Giải pháp khắc phục:

Tiếp tục ưu tiên bố trí nguồn lực cho các nhiệm vụ trọng tâm về KHCN, ĐMST và CDS; tập trung đầu tư có trọng tâm, trọng điểm, tránh dàn trải, lãng phí; ưu tiên các nhiệm vụ mang tính nền tảng, có khả năng tạo chuyển biến rõ nét trong cải cách hành chính, chuyển đổi số và phát triển kinh tế - xã hội.

Tăng cường lồng ghép các nguồn vốn từ các chương trình, đề án, nhiệm vụ liên quan; đẩy mạnh huy động nguồn lực xã hội hóa, khuyến khích doanh nghiệp tham gia đầu tư phát triển hạ tầng số, ứng dụng công nghệ và đổi mới sáng tạo.

Nâng cao chất lượng công tác tham mưu xây dựng dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá hiệu quả đầu tư và khai thác sử dụng trang thiết bị, phần mềm công nghệ thông tin.

Tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh ứng dụng KHCN, ĐMST và CDS; tăng cường đào tạo, nâng cao năng lực quản lý tài chính phục vụ chuyển đổi số cho cán bộ, công chức, viên chức.

đ) Xác định trách nhiệm về những tồn tại, hạn chế:

Những tồn tại, hạn chế nêu trên trước hết thuộc trách nhiệm của cấp ủy, chính quyền, người đứng đầu các cơ quan, đơn vị trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, tham mưu bố trí và quản lý nguồn kinh phí phục vụ KHCN, ĐMST và CDS.

Một số cơ quan, đơn vị chưa thật sự chủ động trong việc đề xuất nhu cầu đầu tư, xây dựng kế hoạch tài chính và huy động nguồn lực phục vụ chuyển đổi số; việc kiểm tra, đánh giá hiệu quả sử dụng kinh phí có lúc chưa thường xuyên, chưa sâu sát.

Trong thời gian tới, địa phương sẽ tiếp tục nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu; tăng cường công tác quản lý, sử dụng hiệu quả nguồn lực tài chính; đẩy mạnh tiết kiệm, chống lãng phí; bảo đảm nguồn kinh phí phục vụ triển khai hiệu quả các nhiệm vụ về KHCN, ĐMST và CDS trên địa bàn.

9. Về công tác phòng, chống lãng phí

9.1. Tình hình kết quả thực hiện

UBND xã đã tổ chức quán triệt và phổ biến thường xuyên các quy định về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí thông qua họp giao ban và sinh hoạt chuyên môn. Công tác công khai, minh bạch trong quản lý, sử dụng ngân sách, tài sản công và mua sắm, sửa chữa được tăng cường. Ứng dụng chuyển đổi số được đẩy mạnh qua văn bản điện tử, chữ ký số và họp trực tuyến góp phần giảm chi phí, tiết kiệm thời gian và nâng cao hiệu quả xử lý công việc. Đồng thời thực hiện nhiều giải pháp phòng ngừa lãng phí như xây dựng kế hoạch sử dụng tài sản công, dùng chung trang thiết bị, hội trường, kiểm kê và thanh lý tài sản kém hiệu quả. Quy trình xử lý hồ sơ được chuẩn hóa, mua sắm tập trung, kiểm soát chặt chẽ dự toán và giải ngân; nhân lực được bố trí theo vị trí việc làm và tăng cường đào tạo kỹ năng số để nâng cao hiệu quả công tác.

9.2. Tự nhận xét, đánh giá

- Ưu điểm: Nhận thức của cán bộ, công chức về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí từng bước được nâng cao; trách nhiệm của từng bộ phận, cá nhân được phân công rõ ràng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ. Việc ứng dụng chuyển đổi số góp phần giảm chi phí in ấn, tối ưu thời gian họp, rút ngắn thời gian xử lý hồ sơ và nâng cao hiệu quả công việc. Công tác mua sắm, sửa chữa, sử dụng tài sản công được thực hiện công khai, minh bạch; hoạt động kiểm tra, giám sát nội bộ được tăng cường, góp phần hạn chế lãng phí trong quản lý và sử dụng nguồn lực tại địa phương.

- Tồn tại, hạn chế, khó khăn, vướng mắc: Việc thực hiện kỷ luật tiết kiệm điện, nước, văn phòng phẩm tại một số bộ phận chưa thật sự đồng đều; ý thức thực hành tiết kiệm của một số cán bộ, công chức trong quá trình sử dụng tài sản, trang thiết bị công còn chưa thường xuyên, triệt để.

- Nguyên nhân: Nguyên nhân khách quan là do một số định mức, quy chuẩn thường xuyên thay đổi; giá trang thiết bị, vật tư biến động theo thị trường; việc

cung ứng, bảo trì và hỗ trợ kỹ thuật còn phụ thuộc vào nhà cung cấp dịch vụ, ảnh hưởng đến tiến độ và hiệu quả thực hiện nhiệm vụ.

- Giải pháp khắc phục: Tiếp tục rà soát, điều chỉnh hoặc thanh lý tài sản sử dụng kém hiệu quả; tăng cường dùng chung trang thiết bị, hạn chế in ấn không cần thiết và theo dõi định mức sử dụng điện, nước, xăng xe hằng tháng. Đồng thời đẩy mạnh mua sắm tập trung, hoàn thiện quy chế quản lý tài sản công và tăng cường tập huấn về quản lý chi phí, hợp đồng, sử dụng ngân sách hiệu quả.

V. KẾT QUẢ LÀM SẠCH, LÀM GIÀU DỮ LIỆU ĐẤT ĐAI

1. Công tác xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai theo Kế hoạch số 197/KH-UBND ngày 12/9/2025 về triển khai thực hiện chiến dịch làm giàu làm sạch Cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai trên địa bàn.

Tổng số thửa cần làm sạch CSDL: 4.123 thửa. Trong đó: Tổng số thửa đã làm sạch CSDL là: 0 thửa. Số thửa còn lại cần làm sạch CSDL là: 4.123 thửa.

2. Công tác triển khai đo đạc bản đồ, đăng ký đất đai, cấp giấy chứng nhận, lập hồ sơ địa chính; Công tác cập nhật, chỉnh lý hồ sơ địa chính theo Kế hoạch 101/KH-UBND ngày 11/4/2026 về hoàn thiện, duy trì, cập nhật và quản lý khai thác Cơ sở dữ liệu đất đai được triển khai theo Kế hoạch số 515/KH-BCA-BNNMT ngày 31/8/2025

- Thực hiện Kế hoạch số 101/KH-UBND ngày 11/4/2026 của UBND tỉnh Thanh Hóa, UBND xã Vĩnh Lộc đã thành lập Tổ công tác hoàn thiện, duy trì, cập nhật và quản lý, khai thác cơ sở dữ liệu đất đai trên địa bàn xã Vĩnh Lộc tại Quyết định số 667/QĐ-UBND ngày 14/4/2026.

- Chỉ đạo Tổ công tác, phòng chuyên môn tiếp tục phối hợp với Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai Vĩnh Lộc rà soát, đối chiếu hồ sơ giấy, xác định vị trí thửa đất ngoài thực địa đối với các thửa đất đã cấp Giấy chứng nhận; rà soát thu thập, bổ sung dữ liệu hồ sơ quét trên cơ sở danh sách do Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai Vĩnh Lộc cung cấp.

- Đến ngày 18/5/2026, Tổng số thửa cần làm sạch CSDL: 4.197 thửa. Trong đó: Tổng số thửa đã làm sạch CSDL là: 3.247 thửa, đạt tỷ lệ 77,46%. Số thửa còn lại cần làm sạch CSDL là: 945 thửa, chiếm tỷ lệ 22,54%.

VI. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Về tổ chức và hoạt động của chính quyền địa phương 02 cấp

- Ưu điểm, nguyên nhân:

Việc vận hành mô hình chính quyền địa phương 2 cấp đã tạo ra chuyển biến rõ rệt trong công tác quản trị, điều hành. Bộ máy được tinh gọn, giảm tầng

nấc trung gian, giúp quá trình chỉ đạo từ cấp tỉnh đến cấp xã trở nên trực tiếp hơn. Thông tin quản lý được truyền đạt nhanh, hạn chế độ trễ và giảm sai lệch trong thực thi chính sách. Tính thông suốt trong điều hành được nâng cao, đặc biệt nhờ ứng dụng hệ thống quản lý văn bản điện tử và nền tảng số dùng chung, giúp giảm đáng kể thời gian xử lý công việc nội bộ. Hiệu lực quản lý nhà nước được tăng cường, do phân định rõ trách nhiệm giữa cấp tỉnh và cấp xã, hạn chế tình trạng đùn đẩy hoặc chùng chểo nhiệm vụ.

- Thời gian giải quyết thủ tục hành chính giảm rõ rệt, nhiều thủ tục được rút ngắn. Tỷ lệ giải quyết hồ sơ đúng và trước hạn tăng cao; dịch vụ công trực tuyến được mở rộng, giúp người dân có thể nộp hồ sơ và theo dõi kết quả ngay tại nhà, giảm bớt chi phí đi lại, thời gian chờ đợi giảm đáng kể.

- Mô hình 2 cấp giúp tăng tính thống nhất và hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị. Cơ chế chỉ đạo từ cấp tỉnh xuống cơ sở rõ ràng hơn, giảm tầng trung gian. Trách nhiệm của từng cấp được xác định cụ thể, tăng tính minh bạch và kỷ luật. Sự phối hợp giữa Đảng - chính quyền - đoàn thể được cải thiện nhờ quy trình gọn hơn.

- Tạo động lực mạnh mẽ cho chuyển đổi số, đã triển khai cơ sở dữ liệu dùng chung, hệ thống một cửa điện tử, chữ ký số, tỷ lệ hồ sơ xử lý trực tuyến tăng mạnh, việc liên thông dữ liệu giữa tỉnh - xã giúp giảm đáng kể việc nhập liệu thủ công, hạn chế sai sót.

- Mô hình 2 cấp góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội theo hướng tích cực; thu hút đầu tư cải thiện nhờ thủ tục hành chính nhanh hơn, minh bạch hơn; môi trường kinh doanh thông thoáng hơn, giảm chi phí tuân thủ cho doanh nghiệp. Các hoạt động phục vụ Nhân dân ngày càng được cải thiện; chất lượng giải quyết thủ tục hành chính được nâng cao; các chính sách hỗ trợ, chăm lo an sinh xã hội được thực hiện đầy đủ, góp phần ổn định đời sống, tạo niềm tin và sự đồng thuận của nhân dân đối với chính quyền địa phương.

- Việc tinh gọn bộ máy giúp nâng cao khả năng nắm bắt tình hình cơ sở nhanh hơn; Phối hợp xử lý an ninh trật tự kịp thời hơn; giảm độ trễ trong chỉ đạo phòng chống thiên tai, dịch bệnh, sự cố xã hội Nguyên nhân: Những kết quả trên đạt được trước hết nhờ sự quan tâm chỉ đạo sát sao của cấp trên và sự lãnh đạo trực tiếp của Đảng ủy xã. Bên cạnh đó là sự chủ động, linh hoạt và quyết liệt trong công tác điều hành của UBND xã; tinh thần trách nhiệm, kỷ cương và tính tận tụy của đội ngũ cán bộ, công chức trong thực thi công vụ. Đặc biệt, sự ủng hộ, tin tưởng và tham gia tích cực của Nhân dân đã tạo nên sức mạnh tổng hợp, giúp chính quyền hoàn thành tốt các chỉ tiêu, nhiệm vụ đề ra.

- Hạn chế, khuyết điểm, nguyên nhân: Việc triển khai một số nhiệm vụ trọng tâm đôi lúc còn chậm so với kế hoạch đề ra. Công tác phối hợp giữa các bộ phận chuyên môn có thời điểm chưa thực sự chặt chẽ. Việc ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số ở một số khâu chưa đồng bộ, chưa phát huy tối đa hiệu quả trong quản lý.

Nguyên nhân: Do bộ máy mới đi vào vận hành, quá trình kiện toàn tổ chức và phân định nhiệm vụ cần thời gian để hoàn thiện. Khối lượng công việc phát sinh sau khi thành lập xã là rất lớn, trong khi nguồn nhân lực hiện có còn hạn chế về số lượng, dẫn đến tình trạng quá tải cục bộ. Một số cán bộ, công chức còn lúng túng khi tiếp cận nhiệm vụ mới.

- Khó khăn, vướng mắc, nguyên nhân

Hệ thống pháp lý vẫn còn chưa hoàn thiện đồng bộ, dẫn đến lúng túng trong phân định thẩm quyền giữa cấp tỉnh và cấp cơ sở; ảnh hưởng đến quá trình xử lý công việc ở một số nơi còn bị gián đoạn hoặc thiếu thống nhất. Áp lực công việc gia tăng đối với cả cấp tỉnh và cấp cơ sở. Khi không còn cấp trung gian, khối lượng công việc dồn lên hai cấp còn lại, đặc biệt là cấp cơ sở. Ở những địa phương có quy mô dân số lớn, cán bộ cấp xã phải xử lý nhiều nhiệm vụ hơn, dẫn đến một số việc có nguy cơ quá tải

- Bài học kinh nghiệm

Sự lãnh đạo, chỉ đạo kịp thời, thống nhất của cấp ủy, chính quyền là yếu tố quyết định trong vận hành hiệu quả mô hình chính quyền 02 cấp. Việc ban hành quy chế làm việc, phân công rõ trách nhiệm, duy trì giao ban thường xuyên đã giúp xử lý kịp thời các vấn đề phát sinh, bảo đảm điều hành thông suốt.

Việc bố trí cán bộ theo vị trí việc làm, gắn với năng lực, sở trường là yếu tố quan trọng nâng cao hiệu quả công việc. Trong điều kiện thiếu biên chế, việc linh hoạt phân công kiêm nhiệm, đồng thời tăng cường đào tạo, bồi dưỡng đã giúp đội ngũ từng bước thích ứng với yêu cầu nhiệm vụ mới.

Chủ động rà soát, phân loại và xử lý các nhiệm vụ tồn đọng sau sáp nhập, bảo đảm không gián đoạn công việc. Tăng cường công tác tuyên truyền, hướng dẫn người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến thông qua Tổ công nghệ số cộng đồng. Phát huy vai trò phối hợp giữa chính quyền với Mặt trận và các đoàn thể trong nắm bắt tình hình, tạo sự đồng thuận trong Nhân dân.

2. Về thực hiện mục tiêu tăng trưởng hai con số.

- Ưu điểm, nguyên nhân

Ưu điểm: UBND xã Vĩnh Lộc đã chủ động, tích cực trong lãnh đạo, chỉ đạo triển khai các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bám sát các nghị quyết của Trung ương và của tỉnh, góp phần cùng với tỉnh, và cả nước thực hiện mục tiêu tăng trưởng hai con số. Việc xây dựng mục tiêu rõ ràng, bám sát thực tiễn đã tạo động lực mạnh mẽ cho phát triển kinh tế - xã hội.

Nguyên nhân: Công tác triển khai nhận được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo thường xuyên của Tỉnh ủy, UBND tỉnh; Đảng ủy, HĐND xã. Các nghị quyết, kế hoạch của Trung ương và tỉnh được quán triệt kịp thời, tạo sự thống nhất trong tổ chức thực hiện. Công tác điều hành linh hoạt, chủ động bám sát diễn biến kinh tế - xã hội, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp và người dân. Sự đồng thuận, hưởng ứng tích cực của cộng đồng doanh nghiệp và nhân dân đã tạo động lực quan trọng thúc đẩy phát triển sản xuất, kinh doanh và đầu tư.

- Hạn chế, khuyết điểm, nguyên nhân

Hạn chế: Một số lĩnh vực phát triển chưa tạo được đột phá, đặc biệt là thu hút đầu tư. Chuyển đổi số trong sản xuất, kinh doanh còn chậm. Sự liên kết giữa quy hoạch, đầu tư và phát triển kinh tế chưa chặt chẽ.

Nguyên nhân: Do tình hình kinh tế thế giới và trong nước còn nhiều biến động, ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất, kinh doanh và đầu tư. Một số cơ chế, chính sách còn bất cập, thiếu đồng bộ, chưa đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh và bền vững. Năng lực tham mưu, tổ chức thực hiện của một bộ phận cán bộ, công chức còn hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới. Công tác dự báo, phân tích tình hình có lúc chưa sát thực tế, dẫn đến việc xây dựng giải pháp chưa thật sự hiệu quả. Bên cạnh đó, nguồn lực đầu tư cho hạ tầng, khoa học công nghệ và chuyển đổi số còn hạn chế, ảnh hưởng đến quá trình triển khai thực hiện mục tiêu tăng trưởng hai con số

- Khó khăn, vướng mắc, nguyên nhân:

Tình hình kinh tế thế giới và trong nước tiếp tục diễn biến phức tạp, thị trường tiêu thụ chưa ổn định, giá nguyên vật liệu và chi phí sản xuất tăng cao đã ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.

Nguồn lực đầu tư cho phát triển kết cấu hạ tầng, chuyển đổi số và đổi mới công nghệ còn hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh và bền vững.

Một số cơ chế, chính sách còn chồng chéo, thiếu đồng bộ, dẫn đến khó khăn trong quá trình triển khai thực hiện các dự án và thu hút đầu tư.

Công tác cải cách hành chính ở một số lĩnh vực còn chậm; thủ tục hành chính vẫn còn phức tạp, ảnh hưởng đến tiến độ giải quyết công việc cho người dân và doanh nghiệp.

Chất lượng nguồn nhân lực chưa đồng đều, thiếu lao động có trình độ chuyên môn cao đáp ứng yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới.

- Bài học kinh nghiệm

Phát huy vai trò lãnh đạo toàn diện, quyết liệt của cấp ủy, chính quyền; xác định rõ trách nhiệm người đứng đầu trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ. Việc xây dựng mục tiêu, kế hoạch phải bám sát thực tiễn, có trọng tâm, trọng điểm và linh hoạt điều chỉnh theo tình hình thực tế.

Tăng cường phối hợp đồng bộ giữa các ngành, các cấp; thường xuyên kiểm tra, giám sát và kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp và người dân. Đồng thời, cần lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm phục vụ, đẩy mạnh cải cách hành chính, rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục nhằm tạo môi trường đầu tư, kinh doanh thuận lợi.

3. Về thực hiện nghị quyết số 57-NQ/TW về chuyển đổi số

- Ưu điểm, nguyên nhân:

Việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW đã tạo chuyển biến tích cực trong nhận thức và hành động của các cấp, các ngành về vai trò của chuyển đổi số. Hạ tầng công nghệ thông tin từng bước được đầu tư, nâng cấp, đáp ứng yêu cầu quản lý và điều hành trong tình hình mới. Các dịch vụ công trực tuyến được triển khai đồng bộ, góp phần nâng cao chất lượng phục vụ người dân và doanh nghiệp. Việc ứng dụng công nghệ số trong giải quyết công việc giúp tiết kiệm thời gian, chi phí và nâng cao hiệu quả hoạt động của cơ quan, đơn vị. Công tác cải cách hành chính gắn với chuyển đổi số đã góp phần xây dựng nền hành chính hiện đại, công khai, minh bạch và hiệu quả hơn.

Nguyên nhân: Do sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt của cấp ủy, chính quyền các cấp trong triển khai thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW. Công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức về chuyển đổi số được thực hiện thường xuyên, tạo sự đồng thuận trong cán bộ, đảng viên và nhân dân. Hạ tầng công nghệ thông tin từng bước được đầu tư, đáp ứng yêu cầu ứng dụng và phát triển công nghệ số. Đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức chủ động học tập, nâng cao kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin trong thực hiện nhiệm vụ. Bên cạnh đó, sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, đơn vị đã góp phần nâng cao hiệu quả triển khai các nhiệm vụ chuyển đổi số tại địa phương

- Hạn chế, khuyết điểm, nguyên nhân

Hạ tầng công nghệ thông tin ở một số cơ quan, đơn vị chưa đồng bộ, chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu chuyển đổi số. Việc ứng dụng công nghệ số trong xử lý công việc ở một số lĩnh vực còn chậm, hiệu quả chưa cao. Trình độ, kỹ năng số của

một bộ phận cán bộ, công chức và người dân còn hạn chế, ảnh hưởng đến quá trình triển khai thực hiện. Công tác phối hợp, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan, đơn vị đôi lúc chưa thật sự hiệu quả.

Nguyên nhân của những hạn chế trên chủ yếu là do nguồn lực đầu tư cho chuyển đổi số còn hạn chế, nhất là về cơ sở hạ tầng và trang thiết bị công nghệ. Một số cán bộ chưa chủ động nghiên cứu, cập nhật kiến thức và kỹ năng số phục vụ công việc. Công tác tuyên truyền, hướng dẫn người dân sử dụng dịch vụ công trực tuyến ở một số nơi chưa thường xuyên, chưa sâu rộng. Bên cạnh đó, việc triển khai một số nhiệm vụ chuyển đổi số còn gặp khó khăn do thiếu nhân lực chuyên môn và điều kiện kỹ thuật chưa đồng bộ

- Bài học kinh nghiệm

Cần có sự lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt, thường xuyên của cấp ủy, chính quyền trong tổ chức thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số. Công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho cán bộ, đảng viên và nhân dân phải được thực hiện đồng bộ, liên tục nhằm tạo sự đồng thuận và chủ động tham gia. Cần quan tâm đầu tư hạ tầng công nghệ thông tin, bảo đảm trang thiết bị và điều kiện kỹ thuật phục vụ chuyển đổi số. Đội ngũ cán bộ, công chức phải thường xuyên được đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng số để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Đồng thời, cần tăng cường phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị, đẩy mạnh chia sẻ dữ liệu và ứng dụng công nghệ số nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, điều hành và phục vụ người dân, doanh nghiệp.

VII. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Đối với các bộ, ngành Trung ương

- Đề nghị nghiên cứu, ban hành cơ chế tiền lương, phụ cấp và chính sách đãi ngộ phù hợp đối với đội ngũ cán bộ, công chức sau sắp xếp đơn vị hành chính, bảo đảm tương xứng với khối lượng công việc tăng thêm, phạm vi quản lý mở rộng và yêu cầu nhiệm vụ ngày càng cao; qua đó tạo động lực, ổn định tư tưởng và giữ chân đội ngũ cán bộ có năng lực tại cơ sở.

- Tiếp tục hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp, phân cấp, ủy quyền, bảo đảm rõ ràng, đồng bộ, thuận lợi cho địa phương triển khai thực hiện.

2. Đối với UBND tỉnh và các sở, ngành

- Tạo hành lang pháp lý nhanh gọn cho phép địa phương chủ động chuyển đổi các trụ sở dôi dư sang mục đích phúc lợi xã hội (y tế, giáo dục, nhà văn hóa, ...), hoặc đấu giá quyền sử dụng đất, tài sản, tránh lãng phí mà không phải qua nhiều tầng thủ tục hành chính phức tạp, nếu phù hợp với quy hoạch chung, mà không cần chờ điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất cấp tỉnh,...

- Ưu tiên bố trí nguồn vốn đầu tư công để nâng cấp hạ tầng công nghệ thông tin, hệ thống hội nghị truyền hình đồng bộ giữa các cấp, nhằm đảm bảo công tác điều hành không bị gián đoạn do khoảng cách địa lý.

- Đối với phần mềm Một cửa của các bộ, ngành: đề nghị Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh phối hợp với các Bộ, ngành bổ sung một số chức năng thống kê, tổng hợp báo cáo tiến độ giải quyết thủ tục hành chính và một số chức năng thông báo tình trạng giải quyết thủ tục hành chính khác như trên phần mềm một cửa của tỉnh./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực HĐND xã (để b/cáo);
- PCT UBND xã;
- Ủy ban kiểm tra Đảng ủy (để tổng hợp);
- Lưu: VT, VP

CHỦ TỊCH

Trịnh Ngọc Tuấn